CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỔ TAY
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN FSC®TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM

KIỂM SOÁT **P.GIÁM ĐỐC** *(Đã ký)* **Trịnh Tuấn Nguyên Khương**	**Mã số: ST - QLCL** **Lần ban hành: 01** **Ngày ban hành: 01/12/2024** **Ngày cập nhật lần 1: 01/9/2025**

MỤC LỤC

Chương 1. GIỚI THIỆU SỔ TAY QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG 3

1.1. Giới thiệu về Sổ tay quản lý chất lượng 3

1.2. Phạm vi áp dụng 3

1.3. Định nghĩa và giải thích từ ngữ 3

1.4. Các từ viết tắt 4

Chương 2 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN 5

2.1. Thông tin chung 5

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty 6

2.4. Về tổ chức quản lý và lao động 7

2.5. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp 7

2.6.Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban Xí nghiệp Lâm nghiệp 8

2.7. Các bên liên quan chính 19

3.1. Cam kết của lãnh đạo Công ty 20

3.2. Mục tiêu của Công ty 21

3.3. Quản lý nhân lực 21

Chương 4 THỰC HIỆN CÁC QUY TRÌNH, QUI CHẾ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG 23

4.1.1 QUẢN LÝ KỸ THUẬT VƯỜN ƯƠM 23

4.1.2 QUẢN LÝ KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG 26

4.1.3 QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHĂM SÓC 28

4.1.6 QUẢN LÝ KỸ THUẬT KHAI THÁC 32

4.1.7 QUẢN LÝ KỸ THUẬT KHAI THÁC NHỰA THÔNG 35

4.1. Quy trình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất 37

4.3. Quy trình giải quyết mâu thuẫn phát sinh 40

4.5. Quy trình giám sát, đánh giá 47

4.6. Quy trình thực hiện chuỗi hành trình sản phẩm 54

4.8. Quy trình phòng ngừa ngăn chặn các loài ngoại lai xâm lấn 58

4.9. Quy trình quản lý sâu bệnh hại và thuốc bảo vệ thực vật 60

Quản lý sâu bệnh và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật 60

Phần I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 60

Phần II 61

Quy trình phòng trừ tổng hợp 63

TỔ CHỨC THỰC HIỆN 67

Chương 5: CUNG CẤP SẢN PHẨM GỖ CÓ CHỨNG NHẬN FSC® 68

5.1. Hóa đơn 68

5.2. Hồ sơ bán hàng và vận chuyển 68

Chương 1. GIỚI THIỆU SỔ TAY QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

1.1. Giới thiệu về Sổ tay quản lý chất lượng

Sổ tay quản lý chất lượng được thiết lập nhằm xác định phạm vi, mô tả các quá trình hoạt động của hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn QLR FSC® của việt nam tại Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam tài liệu áp dụng để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định hiện hành và phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn FSC®.

Sổ tay quản lý chất lượng xác định trách nhiệm và quyền hạn của những cán bộ chủ chốt trong Công ty đối với việc triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo rằng cán bộ trong Công ty đều hiểu rõ trách nhiệm và nhiệm vụ được giao. Việc kiểm soát Sổ tay quản lý chất lượng được thực hiện như sau:

- Sổ tay quản lý chất lượng được đánh số riêng; được đóng dấu kiểm soát tài liệu trước khi phân phối đơn vị, phòng ban và các nhân vật có liên quan.

- Việc sửa chữa từng phần hay toàn bộ Sổ tay quản lý chất lượng sẽ được thực hiện khi trong hệ thống quản lý chất lượng có những thay đổi liên quan đến cơ chế, chính sách, cơ cấu tổ chức hay phương thức hoạt động... Mọi sửa đổi trong Sổ tay quản lý chất lượng phải được Giám đốc Công ty phê duyệt và thực hiện.

1.2. Phạm vi áp dụng

Sổ tay quản lý chất lượng của Hệ thống quản lý chất lượng được xây dựng và thực hiện tuân thủ theo quy định của pháp luật và bộ tiêu chuẩn QLR bền vững FSC Vệt Nam theo quy định của tổ chức quản lý rừng bền vững FSC và được áp dụng tại Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam.

1.3. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

* *Quản lý rừng bền vững:* Là quá trình quản lý những lâm phần ổn định nhằm đạt được một hay nhiều hơn những mục tiêu quản lý đề ra một cách rõ ràng như đảm bảo sản xuất liên tục những sản phẩm và dịch vụ từ rừng mong muốn mà không làm giảm đáng kể những giá trị truyền thống và năng suất tương lai của rừng và không gây ra những tác động không mong muốn đối với môi trường tự nhiên và xã hội.

* *Khai thác tác động thấp (viết tắt là RIL):* Nghĩa là các tiêu chuẩn công việc tuân thủ với các tiêu chuẩn chi tiết kỹ thuật trong Hướng dẫn thực hiện RIL.

* *Các bên liên quan:* Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức mà quyền lợi/mối quan tâm của họ bị ảnh hưởng bởi cách thức quản lý rừng của đơn vị.

* *Khách hàng:* Ở đây được hiểu là các tổ chức, cá nhân hoặc các cơ quan khác có nhu cầu đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam

* *Chuỗi hành trình sản phẩm (Coc):* Là hành trình sở hữu gỗ từ rừng tới người tiêu dùng, bao gồm tất cả các công ty sản xuất, lắp ráp và phân phối gỗ và các sản phẩm gỗ.

* *Cộng đồng***:** Một nhóm người sống trong một khu vực địa lý nhất định.

* *Hồ sơ:* Là tài liệu công bố kết quả hoặc cung cấp hướng dẫn, bằng chứng thực hiện công việc.

1.4. Các từ viết tắt

Trong sổ tay quản lý chất lượng của của hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn FSC®,FM/CoC Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam sử dụng các từ viết tắt như sau:

CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm
CW	Gỗ có kiểm soát
FSC®	Hội đồng quản trị rừng quốc tế
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh
STQLCL	Sổ tay quản lý chất lượng
HTQLCL	Hệ thống quản lý chất lượng
QLCL	Quản lý chất lượng
RIL	Khai thác tác động thấp

Chương 2

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

2.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: FOREST PRODUCTS EXPORT JOINT – STOCK COMPANY OF QUANG NAM
- Tên công ty viết tắt: FOREXCO QUẢNG NAM
- Địa chỉ văn phòng: TDP Câu Hà, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0235.843667- 843671- 843595- 843569- 843568- 943663
- Địa chỉ Email: info@forexco.vn
- Website: www.forexco.com.vn

Công ty cổ phần Lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam thành lập ngày 29/11/1986 với tên gọi ban đầu là Xí nghiệp liên hiệp Lâm Đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam Đà Nẵng. Năm 1997: đổi tên thành Công ty Lâm Đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo quyết định số 5084/QĐ-UB ngày 09/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam. Ngày 01/01/2006 chính thức chuyển thành Công ty cổ phần lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam.

- Chức năng, nhiệm vụ chính của Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất Quảng Nam là quản lý bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng. Phối hợp với chính quyền địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng địa phương trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, tạo việc làm cho họ thông qua các hợp đồng kinh tế.
- Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam thực hiện các hoạt động sau:
- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng các hoạt động trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng; xúc tiến tái sinh rừng; khoanh nuôi làm giàu rừng;
- Khai thác, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ từ rừng trồng;

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty

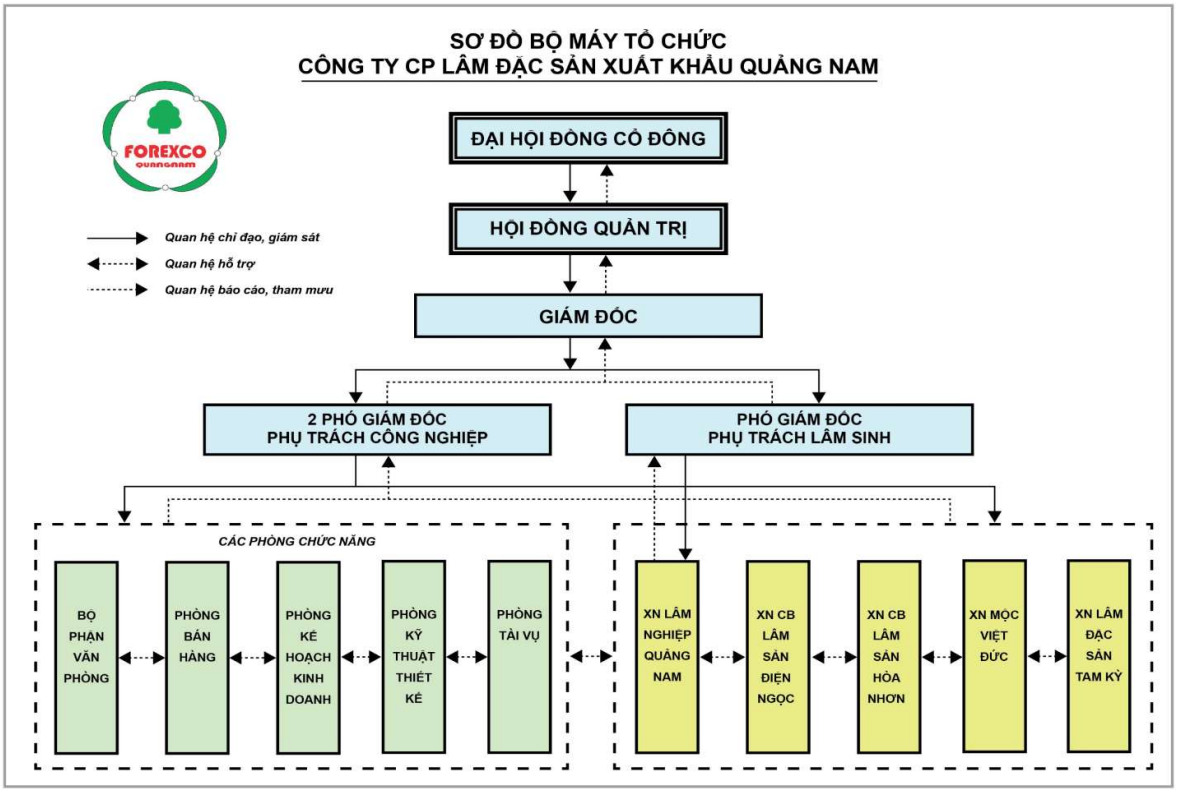

- Tổng số Người quản lý doanh nghiệp, người lao động hiện có của Công ty tính đến thời điểm báo cáo là: 367 người:
- Bộ máy tổ chức gồm:

**** Ban lãnh đạo Công ty:***

- Hội đồng quản trị
- Ban giám đốc

**** Các phòng nghiệp vụ:***

- Phòng tổ chức hành chính
- Phòng Kế toán – Tài chính
- Phòng Kế hoạch- Kinh doanh
- Phòng bán hàng
- Phòng Kỹ thuật- Thiết kế

**** Các đơn vị trực thuộc:***

- Xí nghiệp mộc Việt Đức - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Điện Ngọc - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Hoà Nhơn - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Lâm đặc sản Tam Kỳ - Chế biến lâm sản

- Xí nghiệp Lâm Nghiệp Quảng Nam - Trồng, quản lý, khai thác rừng trồng,

2.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000101608 do Sở Kế hoạch & Đầu tư cấp thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

Thực hiện nhiệm vụ Trồng, chăm sóc, QLBVR, khai thác rừng và LSNG

b. Ngành nghề kinh doanh khác:

Ngoài ra, Công ty được kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty.

2.4. Về tổ chức quản lý và lao động

a. Số lượng cán bộ quản lý và người lao động công ty:

- Tổng số CBCNV đến ngày 31/12/2025: 368 người Gồm:

+ Người quản lý doanh nghiệp: 06 người (01 Chủ tịch HĐTV, 01 Giám đốc, 03 Phó Giám Đốc, 01 Kế toán trưởng).

b. Chất lượng CB.CNVC và cơ cấu phòng chức năng, đơn vị

TT	Chức vụ	Số lượng	Đại học	Chuyên môn khác
1	Chủ tịch hội đồng quản trị	01	01	00
2	Giám đốc	01	01	00
3	Phó giám đốc	03	03	00
4	Phòng TCHC	5	01	04
5	Phòng kế hoạch kinh doanh	3	3	00
6	Phòng tài vụ	5	3	01
7	Phòng Kỹ thuật	6	6	00
8	Phòng bán hàng	2	02	00
9	Phòng vật tư	3	0	03
10	XN CBLS Điện Ngọc	139	19	120
11	XN mộc Việt Đức	80	10	70
12	XN CBLS Hoà Nhơn	44	15	29
13	XN Lâm đặc sản Tam Kỳ	59	14	45
14	XN Lâm Nghiệp	16	08	08
	Tổng	368		

2.5. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp

Công ty FOREXCO Quảng Nam đang quản lý quản lý trực tiếp là 1.306,0 ha. Đây là diện tích mà FOREXCO có hợp đồng thuê trực tiếp với UBND tỉnh Quảng Nam đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng với thời hạn 50 năm.

Công ty đã thực hiện hợp đồng giao khoán với các hộ dân địa phương trong thời hạn từ 7 đến 12 năm, khớp với một chu kỳ khai thác. Một phần diện tích trên đã

được hộ gia đình, cộng đồng trồng keo lai và keo tai tượng trong đó có sự hỗ trợ kỹ thuật và giống cây trồng của Công ty.

Kết quả khảo sát và trao đổi với người dân địa phương cho thấy, các thôn, xã, cộng đồng và hộ gia đình rất hài lòng với quá trình rà soát đất đai và giao đất giao rừng của Công ty, các ý kiến của người dân thắc mắc, tranh chấp đất đai của FOREXCO Quảng Nam phải được giải quyết trên cơ sở tôn trọng và chia sẽ quyền lợi của đôi bên.

Ngoài diện tích quản lý của Công ty, việc khảo sát một số điểm ở tiểu khu 593, 600, 601 vv…, kết quả cho thấy tiềm năng đất đai có khả năng trồng rừng của hộ gia đình, cộng đồng còn rất lớn, đây là cơ hội mà trong tương lai Công ty có thể mở rộng liên doanh, cam kết trong trồng rừng sản xuất để cung cấp nguyên liệu .

TT	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Diện tích (ha)/ Loài cây trồng		Diện tích Băng xanh, cây bản địa (ha)	Đất và Đất khác (ha)	Ghi chú
			Thông	Keo			
1	Các xã Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc (TK 539, 542, 544, 565, 572)	268,51	68,08	99,41	5,85	95,17	
2	Các xã Tam Xuân, Đức Phú, Tam Anh, Núi Thành (NTK, TK 592, 600, 601, 593a, 593b)	903,865	197,15	381,99	146,05	324,91	
3	Xã Hòa Vang (TK 55)	133,63		88,99	11,1	33,54	
Tổng cộng		**1306,00**					

*** Diện tích đánh giá cấp chứng chỉ**

+ Diện tích đất rừng trồng cấp chứng chỉ năm 2022-2027 là 1.306 ha.

2.6.Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban Xí nghiệp Lâm nghiệp Quảng Nam

2.6.1 Đội QLBV&PTR:

A. Chức năng:

a) Là lực lượng chuyên trách của Công ty trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng, trừ sinh vật gây hại rừng trên toàn bộ diện tích rừng và đất rừng Công ty quản lý theo Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Nhà nước có liên quan.

b) Đội QLBV&PTR được phân bố theo diện tích và đặc điểm địa bàn của Công ty; trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, PCCCR trong diện tích được giao quản lý, thực hiện các dự án, các công trình trong phạm vi diện tích được giao; Tổ chức quản lý, điều hành lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng trong các hoạt động lâm nghiệp.

B. Nhiệm vụ:

a) Nắm vững hồ sơ quản lý, số liệu tài nguyên rừng; ranh giới, hiện trạng, trữ lượng các loại rừng trong hồ sơ, bản đồ và trên thực địa. Theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng được giao quản lý.

b) Đề xuất kế hoạch sản xuất lâm nghiệp thuộc lâm phận được giao quản lý để có cơ sở xây dựng Kế hoạch sản xuất lâm nghiệp hàng năm của Công ty.

c) Xây dựng kế hoạch, lịch tuần tra, kiểm tra QLBVR hàng tháng của Phân trường, Trạm QLBVR; Lịch tuần tra, kiểm tra QLBVR hàng tháng của các Tổ nhận khoán bảo vệ rừng; tăng cường lực lượng chống phá rừng vùng giáp ranh. Phối hợp, đôn đốc lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng thực hiện tuần tra, kiểm tra QLBVR, PCCCR; kiểm tra, giám sát và chấm công tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, PCCCR của lực lượng nhận khoán.

d) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát tài nguyên và môi trường rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, đặc biệt quan tâm bảo vệ các khu vực có HCVFs, các khu vực sinh cảnh dễ bị tổn thương, vùng đệm ven sông/suối; các vị trí bị sạt lở, xói mòn đất; các khu vực đang hoạt động sản xuất lâm nghiệp (lâm sinh); theo dõi, cập nhật tình hình sâu bệnh hại rừng và các loài ngoại lai xâm hại (đặc biệt là rừng trồng); thu thập thông tin tác động tiêu cực đến môi trường - xã hội do các hoạt động lâm nghiệp gây ra; …

e) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn kịp thời các hành vi phá rừng, lấn chiếm và tái lấn chiếm đất lâm nghiệp, phá hoại rừng trồng, ken cây, đổ hóa chất độc hại làm chết cây rừng, khai thác rừng trái phép, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng, khai thác khoáng và các hành vi vi phạm pháp luật khác … Lập biên bản kiểm tra ban đầu, đình chỉ hành vi vi phạm, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm, kịp thời báo cáo Ban Lãnh đạo Công ty và chuyển hồ sơ vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

f) Tổ chức thực hiện kiểm tra, rà soát, thống kê diện tích phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật và diện tích nương rẫy xâm canh trong lâm nghiệp; tuyên truyền, vận động người dân ký Cam kết bảo vệ rừng và PCCCR. Trong cam kết xác định rõ ranh giới giữa hai bên; làm rõ hai mục tiêu: Phục vụ giải tỏa và chống cơi nới, lấn chiếm; tiểu khu trưởng phải xác định vùng trọng điểm ưu tiên thực hiện.

g) Lập sổ theo dõi, thống kê tình hình vi phạm pháp luật, cập nhật các thông tin liên quan công tác QLBV & PTR; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tổng hợp số liệu và báo cáo. Theo dõi tổng hợp các vụ việc vi phạm liên tục trong 5 năm liền đối với hành vi xâm canh phá rừng.

i) Phối hợp với các bên liên quan trong công tác QLBV & PTR:

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật về QLBV & PTR tại địa bàn dân cư (Tổ dân phố/Thôn/Cụm dân cư); kiểm tra, xác minh hiện trường các vụ việc vi phạm pháp luật hoặc có liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp; qua đó đề xuất cơ quan chức năng giải quyết vụ việc và xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

- Tăng cường lực lượng chống phá rừng các khu vực giáp ranh, khu vực có xảy ra tác động cao gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát lực lượng nhận khoán, bố trí, sắp xếp lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng thành Nhóm hộ theo khu vực dân cư để hợp đồng khoán bảo vệ rừng (theo Tổ nhận khoán); bàn giao hiện trường rừng, kiểm tra, giám sát, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng và tình hình vi phạm phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng hàng quý, năm theo quy định. Giám sát chi trả tiền nhận khoán bảo vệ rừng cho các hộ nhận khoán. Tiếp nhận và giải thích, giải quyết các khiếu nại của lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng.

k) Kiểm tra, giám sát các Tổ trưởng trong việc tổ chức, quản lý và điều hành lực lượng thực hiện tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; việc chấm công tuần tra, kiểm tra rừng của các thành viên trong Tổ; việc huy động lực lượng nhận khoán tham gia họp định kỳ hàng tháng.

l) Các hoạt động phối hợp khác do Lãnh đạo Công ty phân công.

m) Phối hợp với Chính quyền địa phương, Ban Lâm nghiệp xã/Thị trấn:

- Tham gia giao ban định kỳ Ban lâm nghiệp xã/Thị trấn, tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng.

- Phối hợp với Ban Lâm nghiệp cấp xã, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, bắt động vật rừng trái pháp luật, để có biện pháp giáo dục phòng ngừa, ngăn chặn.

- Tham mưu chính quyền địa phương cấp xã, Ban lâm nghiệp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

n) Tiếp nhận và giải thích, giải quyết kịp thời, đầy đủ chính xác các đề nghị, kiến nghị của nhân dân liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn công tác trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu, kiến nghị. Nếu vượt quá thẩm quyền công việc được giao thì phải báo cáo ngay cho trưởng phòng QLBVR và Ban lãnh đạo Công ty để kịp thời giải quyết yêu cầu, kiến nghị của nhân dân.

o) Ghi chép đầy đủ nội dung vào Sổ Nhật ký tuần tra/Sổ công tác của mỗi thành viên.

p) Bảo vệ các nhà bảo vệ rừng. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an ninh quốc phòng, giữ gìn trật tự xã hội trong khu vực.

q) Tổ chức lực lượng lao động tham gia sản xuất lâm nghiệp trong lâm phần được giao và chịu trách nhiệm chính trong hướng dẫn các hợp đồng thi công, trong việc nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng hoàn thành theo cơ chế khoán của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ công ích như tổ chức giao khoán QLBVR-PCCR và các dự án khác của Công ty thuộc kế hoạch Tỉnh giao.

r) Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo do Công ty quy định; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, nghiệm thu và nội dung thông tin, báo cáo.

2.6.2. Các nhà máy chế biến gỗ:

A. Chức năng:

Là đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất chế biến gỗ và các lâm sản khác ngoài gỗ; kinh doanh mua bán các loại lâm sản theo phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty.

B. Nhiệm vụ:

a) Bảo toàn và sử dụng có hiệu quả tài sản, phương tiện, thiết bị, vật tư và nguồn vốn của Công ty giao. Từng bước nâng cao hiệu quả chế biến gỗ, củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu chế biến và cạnh tranh trên thị trường.

b) Tiếp nhận, bảo quản nguyên liệu phục vụ cho sản xuất chế biến của Công ty giao; Thống kê nhập - xuất nguồn nguyên liệu và sản phẩm chế biến; Chịu trách nhiệm về quy cách, chất lượng sản phẩm theo quy định và thỏa thuận của khách hàng.

c) Chịu trách nhiệm trong việc tham mưu Công ty tìm kiếm nguồn nguyên liệu cung ứng cho sản xuất của Xưởng chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

d) Chủ động nghiên cứu và đề xuất với Công ty để phát triển sản xuất; đề xuất tuyển dụng lao động của Xưởng chế biến.

e) Đề xuất huấn luyện, nâng cao tay nghề cho người lao động của Xưởng chế biến theo quy định.

f) Thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật trong phạm vi của Xưởng chế biến.

g) Chấp hành đúng nội quy lao động, quy chế làm việc của Công ty và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

h) Thực hiện các nội dung theo yêu cầu của FSC® và CoC trong quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Bảo quản, quản lý, lưu giữ các tài liệu được giao; thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

C. Quyền hạn:

a) Được tham gia hội họp, thảo luận, đề xuất với lãnh đạo các nội dung có liên quan đến nhiệm vụ của Xưởng chế biến.

b) Được tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý sử dụng lao động trong Xưởng chế biến trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Công ty.

c) Được quyền từ chối thực hiện những mệnh lệnh trái với pháp luật.

d) Được trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ để thực hiện nhiệm vụ.

2.6.3. Tóm tắt nhiệm vụ của các vị trí chủ chốt liên quan đến việc quản lý theo tiêu chuẩn FSC®

TT	Họ và tên	Vị trí	Mô tả nhiệm vụ liên quan đến các yêu cầu của FSC®
I. Quản lý – điều hành			
1	Quảng Thanh Bình	TV HĐQT - Giám đốc	- Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty; - Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty; - Quyết định các công việc hàng ngày của Công ty; - Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty

			theo quy định của pháp luật; - Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, cách chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên; - Tuyển dụng lao động; - Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hang năm; - Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty khi xét thấy cần thiết; - Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty; - Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. - Phụ trách việc trao đổi thông tin giữa tổ chức đánh giá cấp chứng nhận FSC® cho Công ty; Chỉ đạo chung trong công tác thực hiện các nhiệm vụ nhằm đánh giá, duy trì chứng chỉ FSC®. - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2	Trịnh Tuấn Nguyên Khương	Phó giám đốc Công ty	- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trực thuộc công ty trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển theo lĩnh vực được phân công. - Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện các lĩnh vực công tác: Quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; Giao khoán bảo vệ rừng; Lâm sinh; công tác ATVSLĐ; Phòng chống cháy nổ; Vệ sinh môi trường. - Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quý, năm đảm bảo lợi nhuận và bảo toàn vốn của công ty. - Tổ chức điều hành sản xuất, thực hiện hoàn thành kế hoạch khai thác, tận thu, tận dụng lâm sản gỗ,

			lâm sản ngoài gỗ của công ty đảm bảo lợi nhuận, hiệu quả cao. - Chủ động giải quyết kịp thời, đúng hạn, dứt điểm từng công việc, không để công việc bị ách tắc. - Báo cáo định kỳ kết quả tình hình hoạt động SXKD của công ty cho Chủ tịch công ty và Giám đốc. - Nhiệm vụ và quyền hạn khác thực hiện theo phân công của chủ tịch HĐQT , điều lệ và quy chế làm việc của công ty.
3	Trịnh Minh Tài	Phụ trách chương trình FSC	- Nắm vững các tiêu chuẩn và tiêu chí về quản lý rừng bền vững FSC. - Triển khai các hoạt động theo chương trình quản lý rừng theo tiêu chuẩn đến các bộ phận, đơn vị trong Công ty - Nghiên cứu, xây dựng các quy trình kỹ thuật theo tiêu chuẩn FSC để đưa vào triển khai thực hiện. - Thực hiện việc giám sát và báo cáo giám sát kết quả thực hiện các công việc theo yêu cầu, tiêu chuẩn FSC của Công ty - Lưu trữ và số hoá các tài liệu liên quan đến chương trình FSC của Công ty - Phối hợp các bộ phận xây dựng Kế hoạch lâm nghiệp , kế hoạch giám sát các hoạt động lâm nghiệp có liên quan để thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững theo nguyên tắc của FSC * và duy trì chứng chỉ rừng hàng năm . - Phụ trách công tác tổng hợp giám sát các hoạt động lâm nghiệp (theo nguyên tắc của FSC@) bao gồm: Trồng và chăm sóc rừng trồng; sâu bệnh hại rừng trồng; khoanh nuôi, xúc tiến tái Sinh rừmg.
II. Xí nghiệp Lâm nghiệp Quảng Nam			
1	Nguyễn Văn Phước	Phó Giám đốc XN, Đội Trưởng Đội QLBV&PTR	+ Quản lý, điều hành chung hoạt động của Đội QLBVR, Trạm quản lý bảo vệ rừng + Tham mưu công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; công tác khoán bảo vệ rừng.

			+ Xây dựng phương án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hàng năm; các kế hoạch tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng (và đất lâm nghiệp) hàng tháng; kế hoạch tăng cường lực lượng chống phá rừng vùng giáp ranh, … + Xây dựng kế hoạch lâm nghiệp, kế hoạch giám sát các hoạt động lâm nghiệp thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững theo nguyên tắc FSC® nhằm duy trì Chứng chỉ rừng hàng năm. + Tham gia công tác rà soát, bố trí lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng hàng năm và tham gia kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng. + Đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng của các Phân trường, Trạm QLBVR. + Tham gia một số công tác khác có liên quan.
2	Mai Xuân Để	Đội phó Đội QLBV&PTR	+ Tham mưu trong công tác QLBVR, bảo vệ tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, PCCCR, phát triển rừng, khoán bảo vệ rừng. + Phụ trách công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp; chống phá rừng vùng giáp ranh; công tác PCCCR trong mùa khô. + Đôn đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng của các Phân trường, Trạm QLBVR. + Tham gia kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng. + Tham gia một số công tác khác có liên quan.
3	Trịnh Minh Tài	Đội phó Đội QLBV&PTR	+ Phụ trách công tác tổng hợp chung các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, khoán bảo vệ rừng, PCCCR, ... +Tham mưu cho lãnh đạo các văn bản có liên quan đến việc quản tài nguyên rừng , đất đai tại Công ty theo chức năng của Xí nghiệp . + Cập nhật diễn biến tài nguyên rừng, kết quả bảo vệ tài nguyên rừng.

			+ Kiểm tra công tác giám sát hoạt động QLBVR của các Phân trường. + Tổng hợp, theo dõi và đôn đốc xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp, vi phạm trong quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp. + Báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo khác có liên quan. + Tham gia kiểm tra, nghiệm thu khoán bảo vệ rừng. + Tham gia một số công tác khác có liên quan.
4	Phan Trương Tự Lập	Nhân viên kỹ thuật	- Phụ trách hoạt động sản xuất cây giống của Xí nghiệp, tham mưu lãnh đạo về thực hiện gieo ươm các loài cây mang lại hiệu quả kinh tế. - Phụ trách chính và thực hiện các hoạt động thuộc lĩnh vực phát triển rừng và sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của phòng , bao gồm : - Cập nhật dữ liệu quản lý tài nguyên rừng theo các hồ sơ pháp lý Công ty , hồ sơ quy hoạch sử dụng đất , sử dụng rừng , kiểm kê tài nguyên rừng . - Xây dựng dự án , hồ sơ kỹ thuật về : Phát triển rừng , sản xuất kinh doanh làm nghiệp , khoán bảo vệ rừng , khoán rừng và đất lâm nghiệp . - Công tác khác do Phụ trách Đội phân công.
5			- Phụ trách, phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của phòng, bao gồm: - Phụ trách công tác tổng hợp chung của phòng: quản lý, lưu trữ các hồ sơ, văn bản, tài liệu kỹ thuật theo quy định. - Chủ trì , phối hợp các,trạm thực hiện điều tra OTC rừng trồng phục vụ đánh giá - Báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo khác có liên quan đến nhiệm vụ của phòng. - Phụ trách công tác tổng hợp giám sát các hoạt động lâm nghiệp (theo nguyên tắc của FSC@) bao gồm: Trồng và chăm sóc rừng trồng; sâu bệnh hại rừng trồng; khoanh nuôi, xúc tiến tái Sinh rừmg. - Cập nhật, tổng hợp diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định thuộc đề án tăng

			cường công tác quản lý bảo vệ rừng theo Quyết định số 1836/QD-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh do phòng quản lý và các phân trường đề xuất trồng xen để lập hồ sơ theo quy định. - Tham gia xây dựng dự án, hồ sơ kỹ thuật lâm nghiệp; hỗ trợ đồng chí Tou Prong Nghĩa hoàn thiện hồ sơ: nghiệm thu, hoàn công các công trình trồng và chăm sóc rừng trồng các năm, nghiệm thu hoàn thành, nghiệm thu thành rừng.. - Công tác khác do lãnh đạo phòng phân công.
6	Nguyễn Thi Ánh	Kế toán-Văn thư	- Phụ trách Công tác Kế toán của Xí nghiệp - Bảo đảm các điều kiện làm việc tại trụ sở; tổ chức hội nghị, đối nội, đối ngoại; sắp xếp chỗ ở và chương trình làm việc của khách và các nhu cầu hành chính khác. - Phụ trách công tác tổng hợp chung của phòng: quản lý, lưu trữ các hồ sơ, văn bản, tài liệu kỹ thuật theo quy định. - Chịu trách nhiệm soạn thảo Nội quy lao động, quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể. Theo dõi việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty. - Quản lý nhà đất của Công ty; quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đi lại, thông tin liên lạc và các tài sản khác theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty; - Báo cáo định kỳ về công tác phòng chống tham nhũng, công tác phòng chống thiên tai; xây dựng hồ sơ đơn vị an toàn, cơ quan văn hoá. - Theo dõi, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong Công ty. - Trực tiếp quản lý, theo dõi thực hiện các chế độ chính sách cho người quản lý, người lao động trong Công ty như: BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm, thai sản và các chế độ khác theo quy định. - Tổng hợp các báo cáo định kỳ của các bộ phận, kết luận cuộc họp theo biên biên họp của các cuộc họp giao ban định kỳ.

			- Thực hiện các công việc khác do phụ trách phòng phân công.
7	Nguyễn Đức Nhật	CB QLBVR	- Nắm vững địa bàn tiểu khu quản lý. - Phối hợp với Ban lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, động vật rừng và thực vật lâm nghiệp trái phép, để có biện pháp giáo dục ngăn chặn. Tham mưu cho Ban Lâm nghiệp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR. - Lập và chuyển về phòng kỹ thuật kịp thời các biên bản vi phạm, tạm đình chỉ các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, hành vi vi phạm quy trình quy phạm trong việc thi công các công trình; bảo quản tài sản, tang vật vi phạm đúng quy định. - Thực hiện các nhiệm vụ khác do phân trường phân công
8	Phạm Đức Sậy	CB QLBVR	-Nắm vững địa bàn tiểu khu quản lý - Phối hợp với Ban lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, động vật rừng và thực vật lâm nghiệp trái phép, để có biện pháp giáo dục ngăn chặn. Tham mưu cho Ban Lâm nghiệp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR. -Lập và chuyển về phòng kỹ thuật kịp thời các biên bản vi phạm, tạm đình chỉ các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, hành vi vi phạm quy trình quy phạm trong việc thi công các công trình; bảo quản tài sản, tang vật vi phạm đúng quy định. -Thực hiện các nhiệm vụ khác do phân trường phân công.
9	Nguyễn Văn Kỳ	CB Tiểu khu	- Nắm vững địa bàn tiểu khu quản lý. - Phối hợp với Ban lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, động vật rừng và thực vật lâm nghiệp trái phép, để có biện pháp giáo dục ngăn chặn. Tham mưu cho Ban Lâm

			nghiệp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR. - Lập và chuyển về phòng kỹ thuật kịp thời các biên bản vi phạm, tạm đình chỉ các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, hành vi vi phạm quy trình quy phạm trong việc thi công các công trình; bảo quản tài sản, tang vật vi phạm đúng quy định. - Thực hiện các nhiệm vụ khác do phân trường phân công
10	Hà Thanh Khang	CB Tiểu khu	- Nắm vững địa bàn tiểu khu quản lý. - Phối hợp với Ban lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, động vật rừng và thực vật lâm nghiệp trái phép, để có biện pháp giáo dục ngăn chặn. Tham mưu cho Ban Lâm nghiệp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR. -Lập và chuyển về phòng kỹ thuật kịp thời các biên bản vi phạm, tạm đình chỉ các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, hành vi vi phạm quy trình quy phạm trong việc thi công các công trình; bảo quản tài sản, tang vật vi phạm đúng quy định. -Thực hiện các nhiệm vụ khác do phân trường phân công
11	Huỳnh Ngọc Cận	CB Tiểu khu	- Nắm vững địa bàn tiểu khu quản lý. - Phối hợp với Ban lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn nắm rõ các đối tượng chuyên khai thác, vận chuyển, mua bán lâm đặc sản, săn bắn, bẫy, động vật rừng và thực vật lâm nghiệp trái phép, để có biện pháp giáo dục ngăn chặn. Tham mưu cho Ban Lâm nghiệp xã xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR. - Lập và chuyển về phòng kỹ thuật kịp thời các biên bản vi phạm, tạm đình chỉ các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng, hành vi vi phạm quy trình quy phạm trong việc thi công các công trình; bảo quản tài sản, tang vật vi phạm đúng quy định.

			- Thực hiện các nhiệm vụ khác do phân trường phân công.

2.7. Các bên liên quan chính

Nhóm các bên liên quan	Vai trò hoặc mối quan tâm đối với các hoạt động quản lý rừng của Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam
Nhóm các cơ quan Nhà nước	
UBND thành phố Đà Nẵng	- Chỉ đạo việc thành lập, chuyển đổi công ty và các định hướng chiến lược phát triển của công ty. - Chỉ đạo các ban ngành chức năng trong tỉnh hướng dẫn công ty thực hiện các hoạt động. - Phê duyệt phương án điều chế rừng/phương án quản lý rừng của công ty. Ban hành quy chế quản lý rừng bền vững áp dụng thí điểm cho công ty. - Chỉ đạo công tác quản lý và bảo vệ rừng. - Chỉ đạo và thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật.
Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng, Chi cục kiểm lâm, Chi cục bảo vệ thực vật	- Tổ chức tham vấn về phương án quản lý rừng và điều chế rừng và các hoạt động quản lý, bảo vệ phát triển rừng và tiêu thụ lâm sản của công ty. - Ban hành các quy chế liên quan đến quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng trong thẩm quyền của mình. - Kiểm tra hồ sơ, hiện trường khai thác và giấy phép khai thác. - Chỉ đạo các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng. - Hướng dẫn các quy trình kỹ thuật trong công tác lâm nghiệp nói chung. - Tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động lâm nghiệp của Công ty.
Các Sở ngành khác: Sở Tài chính, Cục Thuế, Sở Kế hoạch đầu tư	Tham gia, hướng dẫn và đóng góp ý kiến (tùy thuộc vào chức năng nhiệm vụ của từng Sở) về các hoạt động quản lý, các nghĩa vụ tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
Hạt kiểm lâm liên xã khu vực 6, 7, 8 thành phố Đà Nẵng	- Tham gia, kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, PCCCR, sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn được giao quản lý .
UBND các xã Tam Xuân , Tam Anh, Đức Phú,	- Tham gia đóng góp ý kiến vào phương án quản lý rừng bền vững và các đề án liên quan đến cải thiện sinh kế người dân của Công ty.

Núi Thành, Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc và Hoà Vang	- Giám sát, theo dõi việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng của Công ty trên địa bàn huyện. - Tham gia đóng góp ý kiến vào phương án quản lý rừng bền vững và các đề án liên quan đến cải thiện sinh kế người dân của Công ty. - Giám sát, theo dõi việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng của Công ty trên địa bàn xã.
Cộng đồng dân cư sống xung quanh lâm phần Công ty. Gồm các thôn: - Xã Tam Xuân: thôn Bích Ngô, thôn Bích An - Xã Đức Phú: thôn Trường Thạnh - Xã Núi Thành: thôn Phái Nhơn. - Xã Sơn Cẩm Hà: thôn Hội Lâm, thôn Cẩm Phô - Xã Lãnh Ngọc: các thôn 2,3,4 - Xã Hoà Vang: thôn An Châu	
Các thôn, cộng đồng dân cư sống xung quanh lâm phần công ty:	Tham gia và giám sát các hoạt động bảo vệ rừng, PCCCR, sản xuất lâm nghiệp, phối hợp cùng công ty để bảo vệ môi trường chung.... là cầu nối giữa Công ty và người dân trên địa bàn xã.

Đối tác/khách hàng tiềm năng

Các công ty đã ký hợp đồng liên tục liên tục 3 năm

TT	Tên công ty	Loại hợp đồng
1	Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh	Hợp đồng khai thác nhựa Thông

Các tổ chức khác	
Quỹ bảo vệ thiên nhiên quốc tế WWF	- Có một số dự án liên quan đến chứng chỉ rừng - Đang điều phối mạng lưới kinh doanh lâm sản với thành viên là các chủ rừng và các công ty chế biến.

Xem danh sách cụ thể về các bên liên quan tại phụ lục . Danh sách các bên liên quan sẽ được rà soát và cập nhật hàng năm.

Chương 3. TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO CÔNG TY

3.1. Cam kết của lãnh đạo Công ty

Lãnh đạo Công ty cam kết thiết lập, ban hành, duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn FSC® hoạt động hiệu quả bằng cách:

- Phổ biến đến toàn bộ người lao động về tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống QLCL dịch vụ hành chính để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

- Thiết lập chính sách chất lượng và các mục tiêu chất lượng của tổ chức, xây dựng các quy trình dạng văn bản để giải quyết công việc phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát kết quả đạt được với mục tiêu chất lượng đã đề ra, quyết định các hành động cần thiết để thực hiện đúng chính sách, mục tiêu chất lượng, khắc phục sự không phù hợp và cải tiến liên tục hệ thống QLCL.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các nguồn lực cần thiết cho hoạt động của hệ thống QLCL này.

3.2. Mục tiêu của Công ty

- Sử dụng có hiệu quả rừng và đất rừng với chi phí và lợi nhuận hợp lý nhất, đảm bảo tính liên tục - ổn định - lâu dài, hạn chế đến mức thấp nhất những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và chất lượng của rừng. Áp dụng công nghệ khai thác, chế biến gỗ tiên tiến để tận dụng lâm sản với giá thành thấp, chất lượng cao, sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Mặt khác, tổ chức kinh doanh tổng hợp để sử dụng, phát huy hết tiềm năng và lợi thế nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tạo nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động và nhân dân địa phương sống gần và ven rừng. Mặt khác, kết hợp với các cơ quan ban ngành và địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo ra sản phẩm hàng hoá, góp phần xoá đói giảm nghèo cho các cộng đồng và giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của người dân tới sự phát triển của rừng.

- Phát huy tối đa chức năng của rừng như: Bảo vệ đất đai, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; hạn chế xói mòn đất, chống suy thoái tài nguyên nước; bảo vệ môi trường sinh thái, tạo vành đai xanh cho thị trấn và góp phần bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm.

3.3. Quản lý nhân lực

3.3.1. Cung cấp nguồn lực

- Công ty đảm bảo cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện, duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống QLCL ngày càng có hiệu quả nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Nguồn lực được cung cấp bao gồm nhân sự, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng và môi trường làm việc.

- Căn cứ trên mục tiêu chất lượng, nhiệm vụ công tác của đơn vị mình, cấp trưởng các đơn vị chuyên môn xác định nhu cầu nguồn lực, trình lãnh đạo Công ty xem xét giải quyết các nguồn lực khi cần thiết.

3.3.2. Đào tạo nhân lực

Việc quản lý và đào tạo nguồn nhân lực được Công ty quan tâm chú trọng. Hàng năm, tổ chức đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động quản lý.

Trên cơ sở nhu cầu đào tạo, việc đào tạo cán bộ của Công ty được thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau:

Tất cả các nhân sự liên quan đến các công việc phục vụ yêu cầu của FSC® và Chuỗi hành trình sản phẩm phải được tập huấn về các quy trình, hướng dẫn, quy định có liên quan để đảm bảo việc duy trì việc sản xuất bán hàng luôn tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Việc tập huấn sẽ được tổ chức định kỳ hay từng thời điểm khi có sự thay đổi và cập nhật hay trong những trường hợp có thay đổi và hoán chuyển nhân sự. Hoặc khi nhận thấy cần phải huấn luyện lại cho cán bộ khi ban giám đốc và quản lý đề xuất.

Bên cạnh đó, để đảm bảo thực hiện các hoạt động lâm nghiệp phù hợp với các yêu cầu của FSC®, các khóa huấn luyện cụ thể cho từng lĩnh vực cũng sẽ được tiến hành trước khi triển khai công việc.

3.3.3. Cơ sở hạ tầng

Công ty cam kết sẽ cố gắng giải quyết kịp thời, đầy đủ và duy trì các phương tiện cần thiết trong khả năng có thể để đạt được sự phù hợp đối với các yêu cầu về hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Nhà cửa, không gian làm việc và các phương tiện làm việc kèm theo.
- Trang, thiết bị làm việc (dụng cụ, máy móc văn phòng, mạng và thiết bị máy tính cả phần cứng và phần mềm).

3.3.4. Môi trường làm việc

Công ty đảm bảo xác định và quản lý môi trường làm việc cần thiết để bảo đảm hiệu quả làm việc, từ đó tạo ra những kết quả đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC®.

Chương 4

THỰC HIỆN CÁC QUY TRÌNH, QUI CHẾ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Công ty đã ban hành các quy trình kỹ thuật và các chính sách, quy định hướng dẫn thực hiện trong các hoạt động của mình, dưới đây là một số quy trình được trích dẫn:

4.1 QUY TRÌNH QUẢN LÝ KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG

4.1.1 QUẢN LÝ KỸ THUẬT VƯỜN ƯƠM

I. Nguyên tắc chung:

+ Bảo đảm lợi ích lâu dài cho cộng đồng trong vùng dự án và bảo vệ môi trường.

+ Đánh giá tác động môi trường trước hoạt động vườn ươm, mức độ ảnh hưởng của hoạt động vườn ươm đến mội trường.

+ Đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong lao động khi triển khai các hoạt động vườn ươm.

+ Không triển khai hoặc tạm dừng các hoạt động khi có khiếu kiện của người dân liên quan đến các tác động tiêu cực do các hoạt động vườn ươm gây nên làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Mọi việc phải được giải quyết xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo.

+ Không sử dụng hóa chất và phân bón hóa học độc hại nghiêm cấm sử dụng tại Việt nam và nằm trong danh mục thuốc hóa học được phép sử dụng theo quy định của FSC.

II. Chọn giống cây trồng:

**** Cơ sở để lựa chọn giống:***

- Theo kết luận của Lãnh đạo Công ty tại hội thảo chọn giống cây trồng ngày 22/06/2007 (thống nhất bằng biên bản).
- Theo chính sách chọn giống đã ban hành tại công ty.
- Chọn giống có nguồn gốc rõ ràng, đã được tuyển chọn.
- Ưu tiên chọn giống đã được khảo nghiệm, công nhận là giống quốc gia và phù hợp với Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ NN&PTNT về quy định danh mục các loài cây lâm nghiệp chính công nhận và nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp.

III. Tạo cây con.

1. Tạo cây con từ hom:(Keo lai hom)

1.1 Xây dựng vườn giống lấy hom.

1.1.1 Chọn đất:

Chọn đất xây dựng vườn giống lấy hom có thành phần cơ giới nhẹ, tầng đất dày, thoát nước tốt, thông thoáng, không che bóng. Vườn giống lấy hom keo lai được gây trồng trên đất vườn ươm gần khu nhân giống tạo cây con bằng hom. Diện tích vườn giống lấy hom bằng 1/800-1/1000 diện tích trồng rừng keo lai hàng năm của đơn vị.

1.1.2 Làm đất:

Xử lý thực bì rồi cày toàn diện 2 lần, mỗi lần 5-7 ngày sau đó cày rạch hàng cánh nhau 80cm, độ sâu >20cm. Bón lót tại hố trồng 2kg phân chuồng hoai và 0,1 kg phân vi sinh. Bón phân và lấp hố trước khi trồng 15-30 ngày. Cự ly hố cách hố 40 cm.

1.1.3 Trồng:

Hom giống lấy từ các cây đầu dòng đã được công nhận. Các dòng phải trồng riêng và có bảng tên theo dõi.

1.1.4 Chăm sóc:

Định kỳ 15-20 ngày làm cỏ xới váng, tưới nước giữ ẩm và theo dõi phòng trừ sâu, bệnh hại.

1.1.5 Cắt tạo chồi:

- Cắt tạo chồi nhằm tăng số lượng hom trên mỗi cây giống, cắt vào cuối mùa khô, đầu mùa mưa. Sau khi trồng 3-4 tháng, tạo chồi lần đầu cho cây giống bằng cách dùng kéo sắc cắt ngang cây ở độ cao cách mặt đất 60cm. Phần ngọn đưa ra khỏi vườn.

- Lần cắt tạo chồi tiếp theo thực hiện cuối mùa sinh trưởng, cắt xong phải dẫy cỏ, bón phân. Độ cao cắt năm sau thấp hơn năm trước 10cm.

1.16 Khai thác hom:

Nên cắt chồi vào buổi sáng sớm và chuyển chúng đến nơi cấy hom trong thời gian sớm nhất. Để lại trên cành ít nhất 2 đôi lá, lần cắt tiếp theo sau 15-20 ngày. Sau mỗi đợt khai thác hom làm vệ sinh vườn, bón phân chuồng hoặc phân vi sinh để cho cây phát triển.

1.1.7 Quản lý vườn giống

Thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh hại, lập sổ nhật ký theo dõi để có kế hoạch tác động và khai thác hom hợp lý.

1.1.8 Trẻ hóa vườn giống:

Sau khi trồng và khai thác 3 năm cần tiến hành trẻ hóa vườn giống bằng cách chặt bỏ và trồng mới.

2.2 Kỹ thuật giâm hom.

2.2.1 Tiêu chuẩn hom:

Cành giâm là chồi hoàn chỉnh, chiều dài 10-20 cm, có 5-7 đôi lá, có đỉnh sinh trưởng đầu cành.

Tuổi hom: 21-28 ngày.

Thời gian cắt vào sáng sớm, trước khi cắt 2 ngày phải tưới vườn đủ ẩm.

Sau cắt tuyển chọn lại và làm gọn hom ngay tại chỗ, bỏ vào vải ướt xếp vào thùng xốp đưa ngay về vườn giâm hom.

2.2.2 Cắt và xử lý hom:

Chọn và cắt lại hom để lại chiều dài 7-10cm, mặt cắt vát 45^{o}, đỉnh sinh trưởng còn nguyên vẹn, có 1-2 đôi lá, cắt bỏ ½ phiến lá rồi đem cấy vào bầu.

2.2.3 Giâm hom:

- Mùa giâm hom: tháng 6 - 8 hàng năm.

- Khu giâm hom được xây dựng có mái che bằng lưới nilon hoặc bằng tấm tre-đan có độ che 60% cao cách mặt đất 2,2m và xung quanh che chắn bằng tôn nhựa trong cao 1,5m. Phía trong khu giâm hom là các luống đã xếp bầu.

Khu giâm hom có nền đất tự nhiên, thoát nước tốt và phải xử lý nấm bệnh, giữa nền có gờ cao 5cm trên đó đặt ống có hệ thống tưới phun.

Trước khi giâm hom 12 giờ phải tưới đủ ẩm cho bầu. Dùng que nhọn chọc lỗ chính giữa bầu rồi cấy hom đã xử lý.

Tưới trong khu giâm hom bằng hệ thống tưới phun tự động hoặc bán tự động với vòi phun cao 35cm đặt cách nhau 1m.

Sau khi cấy hom:

- Tuần thứ I -II: Cứ 5 phút tưới 1 lần khoảng 6-10 giây
- Tuần thứ III: Cứ 30 phút tưới 1 lần khoảng 15-20 giây.

Sau tuần thứ 3, chọn bầu có hom ra rễ, chồi bắt đầu phát triển, đưa ra vườn nuôi dưỡng cho đến khi xuất vườn.

2.2.4 Chăm sóc cây con *(tương tự phần 1.5 mục II)*

IV. Tiêu chuẩn cây con xuất vườn

Tiêu chuẩn về chiều cao cây.

Đường kính cổ rễ:	3-4 mm
Chiều cao:	25-35 cm
Số lá:	3-4 đôi lá
Tuổi cây trong vườn ươm:	2,5 - 3tháng

Cây sinh trưởng tốt, phát triển cân đối, không bị cong queo, sâu bệnh.

V. Vấn đề sử dụng lao động và an toàn lao động tại vườn ươm.

- Ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ nhằm giải quyết nguồn lao động dư thừa tại địa phương, tạo việc làm và ổn định đời sống cho người dân trong vùng dự án.
- Việc sử dụng lao động được thực hiện theo luật lao động hiện hành.

- Công ty sẽ tổ chức tập huấn hướng dẫn cụ thể quy trình kỹ thuật theo định kỳ trước khi làm việc.

- Công nhân sử dụng hóa chất (nếu có) phải được tập huấn sử dụng an toàn trước thực hiện.

- Lao động tham gia công việc vườn ươm phải tuân thủ *"Nội quy về an toàn lao đông tai vườn ươm"*.

- Các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tập huấn cho người lao động về an toàn lao động
- Bảo hộ lao động.
- Biên bản kiểm tra thực hiện an toàn lao động.
- Biên bản xử lý vi phạm an toàn lao động (nếu có).
- Phương án dự phòng cấp cứu tai nạn lao động và khắc phục hậu quả (Nếu tai nạn xảy ra), lập tủ thuốc.
- Sổ ghi các vụ tai nạn và biện pháp xử lý.

VI. Quản lý vườn ươm.

Thường xuyên kiểm tra tình hình sâu bệnh hại và các diễn biến hàng ngày tại vườn ươm, báo cáo định kỳ theo mẫu đã ban hành. Lưu trữ đầy đủ các thông tin về vườn ươm.

VII. Xử lý vườn ươm sau xuất vườn.

+ Xử lý mầm bệnh: Nếu phát hiện có dấu hiệu mầm bệnh, để triệt tiêu mầm bệnh tránh lây lan sang các vườn khác và năm sau.

Xử lý mầm bệnh trong đất và trên cây bị bệnh không đủ tiêu chuẩn xuất vườn.

Phun thuốc để diệt nấm bệnh hoặc đốt những cây mang mầm bệnh. Thuốc phải nằm trong danh mục thuốc được cho phép sử dụng.

+ Vấn đề rác thải: Thu dọn và xử lý rác vườn ươm gồm:

Túi bầu, mái che bằng chất nylon khó phân huỷ;

Cây bị sâu bệnh không đủ tiêu chuẩn xuất vườn;

Nếu vườn ươm tạm thời thì khôi phục lại hệ thực vật như ban đầu bằng cách trồng lại các loài cây bản địa hoặc xúc tiến tái sinh tự nhiên;

+ Có tài liệu hướng dẫn việc xử lý rác thải và tổ chức tập huấn;

+ Lập biên bản giám sát đánh giá việc thực hiện.

4.1.2 QUẢN LÝ KỸ THUẬT TRỒNG RỪNG

I. Nguyên tắc chung:

+ Trồng rừng phải tuân thủ những tiêu chuẩn và tiêu chí quản lý rừng bền vững của FSC®.

+ Bảo đảm hiệu quả kinh tế, ổn định nguồn gỗ nguyên liệu cho các nhà máy Công ty hoạt động.

+ Bảo đảm lợi ích lâu dài cho cộng đồng trong vùng dự án và bảo vệ môi trường.

+ Đánh giá tác động môi trường trước trồng rừng, mức độ ảnh hưởng của hoạt động trồng rừng đến mội trường sống của Động thực vật quý hiếm.

+ Đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong lao động khi triển khai các hoạt động trồng rừng.

+ Không triển khai hoặc tạm dừng các hoạt động khi có khiếu kiện của người dân liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc các tác động tiêu cực do các hoạt động trồng rừng gây nên làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Mọi việc phải được giải quyết xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo.

- Các địa điểm khảo cổ học, tôn giáo, lịch sử, mồ mả hoặc mang tính nhạy cảm về văn hóa của cộng đồng phải được khảo sát trước và thể hiện rõ ràng, cụ thể trên bản đồ nhằm điều chỉnh các hoạt động lâm sinh một cách tối thiểu sự ảnh hưởng, thể hiện sự tôn trọng các địa điểm này.

II. Thiết kế trồng rừng.

+ Khảo sát hiện trường:

- Khảo sát hiện trạng thực bì: hệ động thực vật trong khu vực thiết kế, đặc biệt chú ý đến những động thực vật thuộc loài quý hiếm để lên phương án khoanh nuôi, bảo tồn.
- Vị trí địa lý.
- Khí hậu thuỷ văn.
- Điều tra tình hình dân sinh kinh tế.

+ Đo đạc: Sử dụng máy định vị GPS. (có thể hiện số liệu tọa độ GPS).

+ Vẽ bản đồ và tính diện tích: Sử dụng phần mềm MAPINFO để thiết kế và quản lý rừng. Có thể hiện toạ độ các điểm mốc trên bản đồ, thống nhất dùng bản đồ UTM hệ tọa độ VN2000 tỷ lệ 1/10.000 trong toàn Công ty.

+ Thiết kế lô, khoảnh: Ranh giới các lô, khoảnh rừng phải được phân định rõ ràng

+ Thiết kế đường giao thông kết hợp đường ranh cản lữa và dự kiến đường vận xuất.

+ Thiết kế vùng đệm, diện tích để lại: là nơi bảo tồn đa dạng sinh học và hành lang cho động vật hoang dã, bảo vệ môi trường. Đồng thời là đai xanh cản lửa, đề phòng sâu bệnh hại lây lan.

+ Đất phù hợp trồng rừng từ trung bình đến tốt, tấng đất có độ dày từ 60 cm trở lên, ít đá lẫn.

+ Đất trồng rừng thương mại là vùng đất không trùng lắp với rừng cây lớn, rừng phòng hộ đầu nguồn .... thuộc quy hoạch của nhà nước.

+ Lựa chọn loài cây trồng thích hợp, chất lượng giống cây trồng.

+ Lập quy trình kỹ thuật chi tiết và xây dựng dự toán.

+ Thẩm định lại và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ thiết kế.

III. Thời vụ trồng rừng:

Trồng vào mùa mưa từ tháng 9 đến cuối tháng 11 dương lịch. Trồng rừng có thể tạm dừng nếu điều kiện thời tiết không thuận lợi.

IV. Xử lý thực bì.

Căn cứ điều kiện thực bì, độ dốc để chọn phương pháp xử lý thực bì thích hợp:

+ Những nơi thực bì thưa, xấu, không cản trở cho việc làm đất, có thể không cần xử lý thực bì.

+ Phát, dọn theo băng: Phương pháp này được dùng phổ biến và áp dụng đối với diện tích đất dốc, băng phát phải theo đường đồng mức.

Tỷ lệ băng chặt : băng chừa là 1m:2m; 1,5m:1,5m hoặc 2m:1m tùy vào hiện trạng thực bì.

+ Phát dọn toàn diện rồi gom thành đống đốt cục bộ, hoặc băm nhỏ gom theo băng nhằm hạn chế tác động xấu đến môi trường.

+ Chiều cao gốc phát <10cm.

+ Phát, đốt : Chỉ áp dụng đối với diện tích trồng rừng nhỏ, đất có nhiều mầm bệnh...

Thời điểm đốt thực bì phải thích hợp: Chọn lúc không có gió, vào vào buổi chiều tối để kiểm soát được ngọn lữa. Cần có biện pháp phòng chống cháy lan khi đốt. Các cành nhánh cháy không hết, không được vứt xuống suối.

- Lưu ý các loài cây bản địa, khi trồng rừng phải đảm bảo khoảng cách và bảo tồn để không ảnh hưởng đến cây đó, kiểm tra trước và sau trồng rừng có ảnh hưởng gì không để có biện pháp khắc phục.

V. Làm đường lô/khoảnh, đai cản lửa

- Ủi đường lô nhằm phân định ranh giới giữa các lô/ khoảnh: Đường lô khoảnh là rất cần thiết đối với rừng trồng. Tuy nhiên để hạn chế tác động xấu đến môi trường cũng như tiết kiệm chi phí có thể kết hợp sử dụng đường giao thông dân sinh, đai trắng cản lửa.. để làm đường lô khoảnh. Đường lô/khoảnh cũng có thể là đường dông, đường phân thuỷ, khe, suối...

VI. Làm đất.

Công ty chỉ chọn phương pháp làm đất bằng thủ công:

Đào hố kích thước: 40cm x 40cm x 40cm.

Cự ly các hố: 2mx2m đối với mật độ 2.500 cây/ha, hố đào theo hàng chính giữa băng phát dọn thực bì và bố trí theo hình nanh sấu. Hàng cây trồng theo đường đồng mức.

Lấp hố trước khi trồng 15 - 20 ngày. Nhặt hết đá lẫn trước khi lấp, lớp đất mặt lấp trước, lấp đầy miệng hố. Nếu nơi có độ dốc lớn thì phải lấp hố sớm hơn đề phòng rửa trôi đất do mưa.

VII. Bón lót

+ Chọn phân bón thích hợp.

- Ưu tiên dùng phân hữu cơ: nếu có điều kiện thì bón lót bằng phân chuồng.

- Dùng phân vi sinh hữu cơ: 100g/hố

+ Vận chuyển phân.

+ Bón phân và lấp hố: thời gian lấp hố trước khi trồng 7 - 10 ngày.

VIII. Vận chuyển cây và trồng

Mật độ trồng: Trồng thuần loại: 2.500 cây/ha (2mx2m)

Vận chuyển cây con: phải tránh va chạm mạnh, làm biến dạng, vỡ bầu hoặc làm tổn thương cây con.

Trước khi bỏ cây con xuống hố thì phải xé bầu, phải chú ý không làm vỡ bầu.

Thu gom túi bầu ngay sau khi xé để xử lý, không được vứt ra hiện trường rừng trồng gây ô nhiễm môi trường.

Dùng cuốc trộn lại đất, nhặt hết đá lẫn, sau đó lấp đất thêm đầy hố và đào một lỗ cho hố sâu độ 15cm, đặt nhẹ bầu, sao cho bầu cây không bị nghiêng ngả, lấp đất dần lèn chặt, vun đất hình mâm xôi.

XI. Vấn đề sử dụng lao động và an toàn lao động tại hiện trường trồng rừng.

- Việc sử dụng lao động được thực hiện theo quy định của luật lao động hiện hành.
- Ưu tiên sử dụng người lao động địa phương.
- Thực hiện nội quy về an toàn lao động tại hiện trường trồng rừng.
- Các tài liệu hướng dẫn, tài liệu tập huấn cho người lao động về an toàn lao động.
- Bảo hộ lao động.
- Biên bản kiểm tra thực hiện an toàn lao động
- Biên bản xử lý vi phạm an toàn lao động (nếu có)
- Lập tủ thuốc sơ cấp cứu.
- Phương án dự phòng cấp cứu tai nạn lao động và khắc phục hậu quả (Nếu tai nạn xảy ra),

XII. Bảo vệ môi trường

- Không làm đổ DẦU, NHỚT thừa vào các dòng sông hoặc nguồn nước.
- Không thải chất thải, túi đựng thức ăn, bao bì vào các dòng suối, dòng sông.
- Không thải chất thải, bao bì xung quanh lán trại và trong khu vực rừng trồng.
- Chuẩn bị các hố rác tại các khu vực lán trại, đốt rác trong hố trước khi lấp hố lại.

4.1.3 QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHĂM SÓC

I. Kỹ thuật chăm sóc:

1. Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật chăm sóc rừng:

- Trên cơ sở hồ sơ thiết kế trồng rừng đã được phê duyệt, lập hồ sơ chăm sóc.
- Đánh giá tác động môi trường trước chăm sóc, mức độ ảnh hưởng của hoạt động chăm sóc đến mội trường sống của Động thực vật quý hiếm.
- Đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong lao động khi triển khai các hoạt động chăm sóc.

2. Nội dung chăm sóc:

2.1 Năm thứ nhất:

- Chăm sóc lần 1: tháng 4-6.

Phát sạch thực bì, gốc chừa không cao quá 10cm. Phải chú ý dây leo, cắt hết gốc dây leo, không để dây leo bám vào thân cây, chặt bỏ cây tái sinh, cong queo, sâu bệnh.

Cuốc vun gốc: dẫy cỏ quanh gốc, rồi vun gốc có hình mâm xôi đường kính 80cm -100cm

Cắt tỉa cành nhánh phụ: chú ý không là tổn thương thân cây

- Chăm sóc lần 2: tháng 9-12.

Nội dung như lần 1 nhưng có thêm nội dung trồng dặm: chỉ trồng dặm những nơi cây chết nhiều hay chết theo đám không bảo đảm tỷ lệ thành rừng

2.2 Năm thứ 2:

Nội dung như năm 1 nhưng không có trồng dặm

2.3 Năm thứ 3:

Phát sạch thực bì, gốc chừa không cao quá 10cm. Phải chú ý dây leo, cắt hết gốc dây leo, không để dây leo bám vào thân cây. Loại bỏ cây tái sinh và cong queo, sâu bệnh.

Cắt tỉa cành nhánh phụ.

II. Quy trình quản lý:

- Không triển khai hoặc tạm dừng các hoạt động ngay khi có khiếu kiện của người dân liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc các tác động tiêu cực do các hoạt động chăm sóc rừng gây nên làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Mọi việc phải được giải quyết xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo.

1. Chăm sóc phải đảm bảo môi trường:

- Nội dung kỹ thuật chăm sóc rừng được công khai tới người lao động. Đảm bảo rằng người lao động đã được tập huấn: (có bằng chứng cụ thể)

+ Tập huấn cho người lao động: (có tài liệu tập huấn và có biên bản xác nhận việc tập huấn trên)

+ Lập quy trình giám sát và đánh giá việc thực hiện (Có biên bản xác nhận việc thực hiện đầy đủ nội dung kỹ thuật chăm sóc)

- Chăm sóc ít ảnh hưởng đến môi trường:

+ Thực hiện theo đúng kỹ thuật chăm sóc đã nêu trong hồ sơ thiết kế chăm sóc.

- Xác định nguồn gốc rác thải, chủng loại rác thải

+ Xử lý rác thải một cách an toàn: (Có tài liệu hướng dẫn việc xử lý và giám sát kiểm tra việc xử lý trên bằng văn bản cụ thể)

- Ven khe, suối phải được giữ lại: chống xói mòn đất, ổn định nguồn nước và bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Chăm sóc phải đảm bảo lợi ích của Công ty và xã hội trong khu vực.

- Các địa điểm khảo cổ học, tôn giáo, lịch sử, mồ mả hoặc mang tính nhạy cảm về văn hóa của cộng đồng phải được khảo sát trước và thể hiện rõ ràng, cụ thể trên bản đồ nhằm điều chỉnh các hoạt động lâm sinh một cách tối thiểu sự ảnh hưởng, thể hiện sự tôn trọng các địa điểm này.

- Tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương:

+ Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương

+ Sử dụng lao động theo đúng luật lao động quy định

- Tạo nguồn thu phụ từ việc chăm sóc cho người dân địa phương

+ Lấy củi đun từ cành nhánh phụ, cây bụi chặt bỏ đường kính từ 2-4 cm

- An toàn sức khoẻ và an toàn lao động cho tất cả người dân tham gia

+ Đề ra các nguyên tắc an toàn trong lao động: (Xây dựng nguyên tắc an toàn lao động)

+ Tập huấn an toàn lao động và sức khoẻ (Có tài liệu tập huấn và biên bản xác nhận việc tập huấn)

+ Trang bị bảo hộ lao động và hộp cấp cứu cho người lao động: (Có biên bản xác nhận)

+ Kiểm tra giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động và an toàn sức khoẻ trong khi lao động (có biên bản cụ thể)

+ Khắc phục hậu quả tai nạn lao động : (Sổ ghi tai nạn lao động và cách khắc phục)

+ Có biện pháp xử phạt đối với người lao động vi phạm nguyên tắc an toàn trong lao động.

3. Chăm sóc phải đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Giảm sự cạnh tranh dinh dưỡng của thực bì với cây trồng chính.
- Giúp cây trồng chính phát triển tốt, cho năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Bảo đảm tăng trưởng hàng năm của rừng đạt chỉ tiêu.
- Bảo tồn đa dạng sinh học. Nếu phát hiện các loài động thực quý hiếm, phải có kế hoạch khoanh nuôi, duy trì nguồn gen quý hiếm.

4.1.4 QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG

I. Phương án QLBVR:

1. Lập phương án QLBVR cho từng khu vực cụ thể.

- Phòng cháy rừng:

+ Xác định nhiệm vụ phòng cháy là chính.

+ Thống kê, xác định các dạng cháy rừng thường xảy ra.

+ Xác định các nguyên nhân gây cháy rừng

+ Xây dựng các biện pháp phòng cháy rừng hiệu quả: (Biên soạn tài liệu, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện. Có biên bản xác nhận cụ thể)

+ Tập huấn tại hiện trường: (Đánh giá kết quả sau buổi tập huấn)

- Chữa cháy rừng:

+ Lên các phương án chữa cháy rừng phù hợp với điều kiện địa hình, hướng gió, loại rừng...

+ Biện pháp chữa cháy rừng: (Biên soạn tài liệu, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện. Có biên bản xác nhận cụ thể)

+ Tập huấn nội dung chữa cháy : (Đánh giá kết quả sau buổi tập huấn)

+ Phối hợp lực lượng chữa cháy, người dân địa phương: Lực lượng phải được huy động nhanh và kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

+ Khắc phục hậu quả sau cháy.

2. QLBVR phải đảm bảo môi trường:

- Tuân thủ nghiêm ngặt luật QLBVR của Việt Nam và quốc tế.
- Bảo vệ đa dạng sinh học.
- Hạn chế thấp nhất cháy rừng.
- Bảo vệ độ che phủ nhất định của rừng.

+ Giữ đất, nước, đa dạng sinh học trong rừng và khu lân cận.

+ Ôn hoà khí hậu trong rừng và lân cận rừng.

3. QLBVR phải đảm bảo lợi ích của Công ty và xã hội trong khu vực.

- Các địa điểm khảo cổ học, tôn giáo, lịch sử, mồ mả hoặc mang tính nhạy cảm về văn hóa của cộng đồng phải được khảo sát trước và thể hiện rõ ràng, cụ thể trên bản đồ nhằm điều chỉnh các hoạt động lâm sinh một cách tối thiểu sự ảnh hưởng, thể hiện sự tôn trọng các địa điểm này.

- Bảo vệ tốt để giữ rừng tốt: (Tuyên truyền, giáo dục, dự báo, cảnh báo, lập biển báo cảnh rừng)

+ Hạn chế lũ quét.

+ Giữ nước.

+ Bảo vệ làng mạc.

+ Hạn chế hạn hán lũ lụt bảo vệ mùa màng của người dân xung quanh rừng.

- Tạo điều kiện cho người dân được tận thu sản phẩm phụ trong rừng nhưng phải cam kết không làm ảnh hưởng đến rừng như: (Củi đun, rau xanh, mật ong ...). Rừng 3 năm tuổi trở lên cho người dân được chăn thả gia súc vào rừng.

+ Phương pháp tận thu sản phẩm phụ:

- Khoán QLBVR cho người dân địa phương để tăng thu nhập và trách nhiệm cộng đồng trong việc QLBVR.

- Trang bị bảo hộ lao động, dụng cụ bảo vệ , hướng dẫn sử dụng an toàn cho lực lượng bảo vệ rừng. (kiểm tra giám sát việc thực hiện. Có biên bản xác nhận cụ thể)

+ Tập huấn về sơ cấp cứu tại chỗ, Sổ ghi tai nạn và cách khắc phục làm giảm thiểu tai nạn trong lao động.

- Lập ra một hệ thống giải quyết mâu thuẫn: Hệ thống này được thống nhất giữa Công ty và các ban ngành chức năng, chính quyền địa phương: (biên soạn cam kết cùng nhau giải quyết mâu thuẫn xảy ra)

4. QLBVR phải đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Giữ rừng nguyên vẹn, bảo vệ rừng tránh những tác động xấu bên ngoài làm ảnh hưởng tới rừng. Để rừng phát triển tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Phòng chống cháy rừng:

+ Hạn chế thấp nhất sâu bệnh hại:

+ Nghiêm cấm người dân và gia súc phá hại rừng

+ Bảo vệ nhằm tránh các hoạt động khai thác rừng trái phép, định cư và các hoạt động khác ảnh hưởng đến rừng.

- Định kỳ hàng quý có biên bản đánh giá kết quả QLBVR.

II. Đánh giá theo dõi tăng trưởng, tình hình sâu bệnh hại.

1. Định kỳ theo dõi, đánh giá tình hình tăng trưởng:

- Xác định lượng tăng trưởng hàng năm của rừng: Lập ô đo đếm xác định:

Mật độ: có phân loại cây tốt, xấu, trung bình, cây bị tổn thương cơ giới, sâu bệnh ...

Đường kính.

Chiều cao.

Trử lượng.

Lượng tăng trưởng hàng năm.

- Lập các bảng biểu thống kê để đánh giá.

2. Điều tra tình hình sâu bệnh hại.

- Điều tra, thống kê các loại sâu bệnh hại rừng trồng. Trong đó chỉ ra các loại sâu, bệnh phổ biến, dễ xảy ra. Báo cáo bằng mẫu ngoại nghiệp đã ban hành.

- Căn cứ báo cáo ngoại nghiệp để lập phương án phòng chống sâu, bệnh hại.

III. Cập nhật và lưu trữ thông tin về rừng:

Thường xuyên cập nhật thông tin báo cáo hiện trường theo mẫu đã ban hành, ghi chép mô tả những diễn biến xảy ra hàng ngày tại rừng.

Lưu trữ các thông tin một cách hệ thống theo diễn biến thời gian và theo từng khu rừng cụ thể.

4.1.5 QUẢN LÝ KỸ THUẬT CHUYỂN HOÁ RỪNG GỖ

(Chuyển hoá từ rừng nguyên liệu giấy sang rừng gỗ lớn)

* Trên cơ sở số liệu đánh giá tăng trưởng và tình hình sâu bệnh hại để quyết định thời điểm và diện tích lô rừng cần chuyển hoá thành rừng gỗ lớn.

* Mục đích: Loại bỏ những cây sinh trưởng kém, cong, sâu bệnh... tạo không gian dinh dưỡng cho nhưng cây còn lại sinh trưởng phát triển tốt hơn về đường kính, tăng sản lượng gỗ mộc, duy trì nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến gỗ mộc xuất khẩu.

* Tận thu gỗ nguyên liệu giấy và vệ sinh rừng.

Quản lý thực hiện chuyển hoá rừng.

+ Thực hiện nghiêm ngặt những kỹ thuật chặt chọn đã được phê duyệt.

+ Chặt đúng cây đã bài.

+ Thực hiện chuyển hoá rừng gỗ phải thoả mãn các điều kiện:

- Điều kiện môi trường: Hạn chế làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái bền vững trong khu vực, hạn chế ảnh hưởng dòng chảy, vệ sinh rác thải...

- Điều kiện dân sinh kinh tế: Tạo việc làm, ổn định đời sống cho người dân trong vùng.

- Chặt cây không làm tổn thương đến những cây chừa lại.

- Điều kiện kinh tế: Tận thu nguồn gỗ nhỏ làm nguyên liệu giấy, củi...

- Kỹ thuật chặt hạ cây (tương tự phần khai thác)

4.1.6 QUẢN LÝ KỸ THUẬT KHAI THÁC

I. Khảo sát thiết kế hồ sơ khai thác rừng. (Có báo cáo kiểm tra ngoại nghiệp)

- Địa điểm khai thác.
- Diện tích khai thác.
- Loài cây khai thác.
- Thời gian khai thác.
- Khối lượng khai thác.
- Phương thức khai thác.
- Các thủ tục pháp lý trong khai thác.

- Đánh giá tác động môi trường trước khai thác, mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác đến mội trường sống của Động thực vật quý hiếm.
- Đánh giá rủi ro các khu vực có thể xảy ra trong lao động khi triển khai các hoạt động khai thác.
- Không triển khai hoặc tạm dừng các hoạt động ngay khi có khiếu kiện của người dân liên quan đến quyền sử dụng đất hoặc các tác động tiêu cực do các hoạt động trồng rừng gây nên làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Mọi việc phải được giải quyết xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo.
- *Khảo sát đánh dấu trên bản đồ và thực địa các khu vực xung yếu có nguy cơ sạt lở xói mòn để có kế hoạch bảo vệ, phục hồi và khu vực này không được khai thác nếu chưa có phương án giảm thiểu tuyệt đối các nguy cơ đó*.

III. Kỹ thuật khai thác.

- Phương thức khai thác: Khai thác trắng theo diện tích nhỏ (thường <50ha/khu vực)
- Biện pháp khai thác: Cơ giới kết hợp thủ công.
- Kỹ thuật cắt hạ cây:
  - Chọn công cụ:
  - Cắt hạ thủ công: - Dùng rìu đốn hạ
    - Dùng cưa tay
  - Cắt hạ sử dụng cưa xăng. (cưa xích)
  - Kỹ thuật mở miệng, chọn hướng đổ: theo chiều gió, hướng dốc...
  - Cắt hạ là công việc dễ gây tai nạn đòi hỏi người lao động phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về an toàn lao động, đặc biệt người cắt hạ phải được đào tạo kỹ, có kinh nghiệm tay nghề cao, có trang bị bảo hộ chuyên biệt.
- Cắt khúc: khúc dài 2,0 -2,2m, nếu thân cong nên cắt tại chỗ cong, điểm phân cành....
- Bóc vỏ: Bóc sạch vỏ và trẫy mắt sát thân...
- Loại bỏ các khúc gỗ bị mục và để lại rừng.
- Phân loại:

  Gỗ có đường kính >15cm phân loại làm gỗ mộc loại 1

  Gỗ có đường kính 11-14cm phân loại làm gỗ mộc loại 2

  Gỗ có đường kính 4-10cm phân loại làm gỗ nguyên liệu giấy

  Gỗ có đường kính 2-4cm cho người dân lấy làm củi đun.(được thực sau khi hoàn thành việc khai thác).

  Gỗ đường kính <2cm và cành lá, vỏ cây để lại rừng thành từng dải theo đường đồng mức để góp phần cải tạo đất.

- Chọn phương tiện vận chuyển, vận xuất.
- Bốc xếp, đo tính và thống kê tạm thời khối lượng gỗ sau khi xếp lên xe theo đơn vị tính ster. Phát hành ***"Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ"*** gỗ rừng trồng cho mỗi xe tải chở gỗ khi ra khỏi rừng**.** Đối với gỗ loại 1 và loại 2, mỗi xe gỗ được quản lý thêm "***Phiếu giao nhận***" được ký xác nhận giữa tài xế hoặc người quản lý hiện trường khai thác với đại diện bên nhận gỗ FSC.

- Gỗ tập kết tại kho bãi phải được đánh dấu để dễ dàng xác định gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC và phân biệt với gỗ NoN FSC.

IV. Khai thác ít ảnh hưởng môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt kỹ thuật khai thác rừng. Đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai khai thác. Tập huấn kỹ thuật khai thác rừng tới các nhà thầu và người lao động, tài xế xe tải phải được tập huấn về việc vận chuyển gỗ ít ảnh hưởng đến môi trường và đảm bảo an toàn lao động.
- Tài xế, thợ làm đường, thợ cưa phải được tập huấn đầy đủ và nhận thức được các yêu cầu với sự tôn trọng các nguồn tài nguyên nước.
- Xác định nguồn rác thải và chủng loại rác thải trong khai thác. Có biện pháp xử lý cụ thể: (Biên soạn tài liệu, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện. Có biên bản cụ thể).
- Không để dầu mỡ chảy vào nguồn nước suối
- Không vứt rác thải, cành nhánh vào nguồn nước chảy.
- Làm đường vận xuất hạn chế ảnh hưởng dòng chảy của sông suối, nếu băng qua suối có dòng chảy lớn phải làm cống. Khi băng ngang dòng suối nên đi vuông góc cống.
- Không vận chuyển gỗ lúc trời mưa.
- Không làm tổn thương đến các băng xanh, vùng đệm, dọc suối và các vị trí chừa lại, đảm bảo không ảnh hưởng lớn đến môi trường sống và đi lại của động thực vật quý hiếm.

V. Khai thác phải đảm bảo lợi ích của Công ty và xã hội trong khu vực.

- Các địa điểm khảo cổ học, tôn giáo, lịch sử, mồ mả hoặc mang tính nhạy cảm về văn hóa của cộng đồng phải được khảo sát trước và thể hiện rõ ràng, cụ thể trên bản đồ nhằm điều chỉnh các hoạt động lâm sinh một cách tối thiểu sự ảnh hưởng, thể hiện sự tôn trọng các địa điểm này.
- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương: tạo công ăn việc làm cho người dân
- Người dân có cơ hội tận thu cành nhánh, ngọn cây, cây nhỏ dưới 4cm để làm củi đun.
- Lá và vỏ cây sẽ hoai mục làm tăng độ mùn cho đất, có lợi cho chu kỳ sau.
- Biện pháp tận thu phải đảm bảo an toàn trong lao động và phòng cháy rừng.
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn lao động trong khai thác rừng: Biên soạn tài liệu và tập huấn an toàn lao động tới các nhà thầu và người lao động.
- Tuân thủ nghiêm ngặt việc sử dụng bảo hộ lao động trong khai thác: Trang bị bảo hộ lao động, hướng dẫn sử dụng, kiểm tra giám sát việc thực hiện.
- Có đầy đủ túi và thuốc sơ cấp cứu tối thiểu tại hiện trường khai thác.
- Quy định việc xử lý vi phạm nguyên tắc an toàn trong lao động.
- Người lao động phải có hợp đồng lao động bảo đảm thu nhập tối thiểu và các chế độ bảo hiểm của Nhà nước ban hành.
- Lập sổ theo dõi tai nạn và cách khắc phục để giảm thiểu tai nạn xảy ra.
- Lập ra một hệ thống giải quyết mâu thuẫn. Hệ thống này được thống nhất giữa Công ty và các ban ngành chức năng, chính quyền địa phương.

VI. Khai thác mang lại hiệu quả kinh tế:

- Thu hoạch sản phẩm từ rừng (Gỗ nguyên liệu giấy và gỗ hàng mộc) sau một chu kỳ kinh doanh.

- Xác định tỷ lệ các loại gỗ , năng suất rừng, đơn giá sản phẩm nhằm đánh giá hiệu quả trồng rừng.

- Tổ chức khai thác tốt sẽ giảm thiểu chi phí và tiết kiệm thời gian trong khai thác, thu hoạch hết sản phẩm từ rừng. Từ đó mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Thu dọn hiện trường, tận thu sản phẩm...và triển khai trồng lại rừng ngay sau khai thác, bảo đảm không để đất trống, xói mòn xảy ra...*

VII. Quản lý sản phẩm gỗ sau khai thác: (Theo quy trình CoC)

- Sau khai thác gỗ sẽ được phân loại theo đường kính:

  + Gỗ có đường kính >15cm phân loại làm gỗ mộc loại 1

  + Gỗ có đường kính 11-14cm phân loại làm gỗ mộc loại 2

  + Gỗ có đường kính 4-10cm phân loại làm gỗ nguyên liệu giấy

  + Gỗ có đường kính 2-4cm cho người dân lấy làm củi đun.(được thực sau khi hoàn thành việc khai thác).

- Gỗ sau khi phân loại được xếp lên các xe vận chuyển và được đánh dấu bằng sơn, mỗi hiện trường một màu sơn khác nhau để dễ phân biệt và dễ xác định nguồn gốc khai thác.

- Mỗi xe vận chuyển gỗ được cầm theo 01 *Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ* và 01 *Phiếu giao nhận* do cán bộ quản lý kỹ thuật của Công ty đảm nhiệm. Xe vận chuyển gỗ được cân tại trạm cân để xác định khối lượng gỗ. Sau 10 ngày 1 lần, Công ty cùng nhà thầu khai thác lập bảng kê xác định khối lượng thực nhập làm cơ sở thanh quyết toán hợp đồng khai thác sau này.

- Lập và lưu trữ các chứng từ theo dõi sản phẩm gỗ khai thác đúng quy trình chuỗi hành trình sản phẩm (CoC).

VIII. An toàn lao động và vệ sinh rừng sau khai thác.

- Vấn đề an toàn trong khai thác là rất quan trọng.
- Bảo hộ lao động phù hợp với từng khâu công việc. Theo Thông tư 04/2014-TT-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trang phương tiện bảo vệ cá nhân
- Chấp hành các quy định an toàn lao động trong công tác vận chuyển.
- Chấp hành các quy định an toàn trong công tác phòng chống cháy.
- Vệ sinh rừng sau khai thác.
- Vệ sinh cành nhánh, thực bì còn lại.
- Vệ sinh sâu bệnh hại.
- Vệ sinh xử lý dầu mỡ do máy móc thải ra (nếu thấy ảnh hưởng đến môi trường).
- Vệ sinh rác thải sinh hoạt.
- Tận dụng sản phẩm phụ sau khai thác (thu lượm củi...).
- Có biên bản đánh giá nghiệm thu rừng sau khai thác.

4.1.7 QUẢN LÝ KỸ THUẬT KHAI THÁC NHỰA THÔNG

I. Khảo sát thiết kế hồ sơ khai thác rừng. (Có báo cáo kiểm tra ngoại nghiệp)

- Địa điểm khai thác.
- Diện tích khai thác.
- Loài cây khai thác.
- Thời gian khai thác; chu kỳ khai thác;

- Khối lượng sản phẩm khai thác.
- Phương thức khai thác.
- Các thủ tục pháp lý trong khai thác.
- Đánh giá tác động môi trường trước khai thác, mức độ ảnh hưởng của hoạt động khai thác đến mội trường sống của Động thực vật quý hiếm.
- Đánh giá rủi ro các khu vực có thể xảy ra trong lao động khi triển khai các hoạt động khai thác.

II. Kỹ thuật khai thác.

1. Khai thác tập trung, thường xuyên: (khai thác bình thường chu kỳ khai thác kéo dài từ 6-9 năm nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh C.ty)

1.1. Phương pháp khai thác:

- Khai thác bằng phương pháp đẽo đối với những cây sinh trưởng phát triển bình thường và đảm bảo các tiêu chí theo qui định,

- Khai thác bằng phương pháp trích: áp dụng đối với những cây cong queo sâu bệnh, những khu vực thuộc diện đã có chủ trương quy hoạch, giải tỏa bàn giao đất cho nhà nước.

1.2. Kỹ thuật áp dụng khai thác:

- Đối với những cây sinh trưởng phát triển bình thường:

+Kỹ thuật đẽo: Áp dụng phương pháp đẽo bằng dụng cụ cuốc đẽo Hoàng Mai. Đẽo theo chiều dọc thân cây, từ gốc đến tầm với tay (khoảng 3m) mỗi lần đẽo cách nhau từ 3-4 ngày. Dăm đẽo phải đều, mỏng từ 0,5 đến 1,2 mm, mặt đẽo phải trơn lán.

+ Qui cách máng đẽo: Chiều rộng máng đẽo không quá 8 cm và sâu không quá 1,5cm.

- Đối với những cây cong queo, sâu bệnh:

+ Phương pháp khai thác: Trích xương cá (khai thác diệt)

+ Kỹ thuật trích: Chiều rộng mặt trích vào khoảng 1/3 thể tích thân cây, độ sâu mặt trích từ 1,5 đến 2cm và chiều cao mặt trích >= 3 mét. Mỗi ngày trích một lần.

2. Khai thác tác động thấp:

- Phương pháp khai thác: Áp dụng khai thác bằng phương pháp đẽo.

- Kỹ thuật áp dụng khai thác:

+Kỹ thuật đẽo: Tương tự như phần (1.1)

+ Qui cách máng đẽo: Chiều rộng máng đẽo không quá 8 cm và sâu không quá 1,5cm.

+ Thời gian cho 1 lần đẽo: Thời gian cho 1 lần đẽo cách nhau từ 4-5 ngày.

+ Thời gian đẽo cho 1 năm khai thác từ 6-8 tháng.

3. Khu vực bảo tồn: Không tác động giữ nguyên hiện trạng nhằm duy trì sự phát ổn định hệ sinh thái tự nhiên trong khu vực.

IV. Khai thác ít ảnh hưởng môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt kỹ thuật khai thác rừng. Đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai khai thác. Tập huấn kỹ thuật khai thác rừng tới các nhà thầu và người lao động, không xả rác thải rác sinh hoạt làm ảnh hưởng đến môi trường và đảm bảo an toàn lao động.

- Dụng cụ phục vụ cho việc khai thác nhựa như bô máng phải sử dụng loại vật liệu không gỉ, khó phân hủy.

- Không vận chuyển vật tư, sản phẩm nhựa lúc trời mưa.
- Không làm tổn thương đến các băng xanh, vùng đệm, dọc suối và các vị trí chừa lại, đảm bảo không ảnh hưởng lớn đến môi trường sống và đi lại của động thực vật quý hiếm.

V. Khai thác phải đảm bảo lợi ích của Công ty và xã hội trong khu vực.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương: tạo công ăn việc làm cho người dân
- Người dân có cơ hội tận thu cành nhánh, ngọn cây, cây nhỏ dưới 4cm để làm củi đun và nhằm làm giảm vật liệu gây cháy rừng
- Biện pháp khai thác nhựa phải đảm bảo an toàn trong lao động và phòng cháy rừng**.**
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn lao động trong khai thác rừng: Biên soạn tài liệu và tập huấn an toàn lao động tới các nhà thầu và người lao động.
- Tuân thủ nghiêm ngặt việc sử dụng bảo hộ lao động trong khai thác: Trang bị bảo hộ lao động, hướng dẫn sử dụng, kiểm tra giám sát việc thực hiện.
- Có đầy đủ túi và thuốc sơ cấp cứu tối thiểu tại hiện trường khai thác.
- Quy định việc xử lý vi phạm nguyên tắc an toàn trong lao động.
- Người lao động phải có hợp đồng lao động bảo đảm thu nhập tối thiểu và các chế độ bảo hiểm của Nhà nước ban hành.
- Lập sổ theo dõi tai nạn và cách khắc phục để giảm thiểu tai nạn xảy ra.

VI. Khai thác mang lại hiệu quả kinh tế:

- Thu hoạch sản phẩm từ rừng sau một chu kỳ kinh doanh.
- Xác định năng suất rừng, đơn giá sản phẩm nhằm đánh giá hiệu quả rừng trồng.
- Tổ chức khai thác tốt sẽ giảm thiểu chi phí và tiết kiệm thời gian trong khai thác, thu hoạch hết sản phẩm từ rừng. Từ đó mang lại hiệu quả kinh tế cao.

VII. An toàn lao động và vệ sinh rừng sau khai thác.

- Vấn đề an toàn trong khai thác là rất quan trọng.
- Bảo hộ lao động phù hợp với công việc.
- Chấp hành các quy định an toàn trong công tác phòng chống cháy.
- Vệ sinh sâu bệnh hại.
- Vệ sinh rác thải sinh hoạt

4.1. Quy trình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất

Mã số: "QT.01". (Cập nhật lần 2 - năm 2019)

- Tranh chấp đất đai: Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong lĩnh vực sử dụng đất đai.

- Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

- Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất nhưng không trả lại đất.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị lấn chiếm yêu cầu bên được coi là lấn chiếm tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

- Sau chậm nhất là 3 ngày khi có đơn, Công ty phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân có liên quan tiến hành kiểm tra, xác minh, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp.

Sau khi có biên bản kiểm tra, xác minh hiện trường tranh chấp, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, Công ty và tổ chức hoặc cá nhân có liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ **Trường hợp thứ nhất:** Nếu phía Công ty sai, thì phải thỏa thuận bồi thường cho tổ chức hoặc cộng đồng dân cư ít nhất bằng giá trị mà Công ty đã gây thiệt hại và trả lại phần đất đó cho tổ chức hoặc cộng đồng dân cư.

+ **Trường hợp thứ hai:** Nếu Tổ chức sai thì phải thỏa thuận bồi thường cho Công ty ít nhất bằng giá trị mà bên đó gây thiệt hại cho Công ty và phải trả lại phần đất đó cho Công ty.

+ **Trường hợp thứ ba:** Người dân sai, thì trả lại phần đất cho Công ty hoặc trồng lại rừng (nếu là diện tích đất đó có rừng hoặc rừng trồng của công ty).

+ **Trường hợp thứ tư**: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, trình tự giải quyết tranh chấp được Công ty thực hiện theo quy trình này.

4.2 Quy trình điều tra tăng trưởng

FOREXCO QUANGNAM	**QUY TRÌNH KỸ THUẬT** **QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG**	Mã hiệu : QTKT/FSC®-01.05 Ngày ban hành : 01/7/2018

1- Đối tượng rừng điều tra tăng trưởng:

- Rừng trồng từ 1 năm tuổi trở lên tiến hành đo đếm các chỉ tiêu lâm học sau để điều tra trữ lượng và tăng trưởng hàng năm của khu rừng cần điều tra.
- Diện tích khu rừng đo đếm.
- Loài cây đo đếm.
- Năm trồng.
- Đo đếm xác định mật độ hiện còn.
- Đo đếm chiều cao vút ngọn.
- Đo đếm đường kính ngang ngực 1.3m.
- Điều tra động thực vật rừng trong ô mẫu.
- Mô tả đất đai.

- Đối với rừng trồng 1-2 năm tuổi xác định mật độ, tỉ lệ sống và lấy chỉ tiêu lâm học trung bình đại diện để xác định trữ lượng và lượng tăng trưởng

2- Phương pháp lập ô tiêu chuẩn: (căn cứ vào mục đích điều tra, độ chính xác của số liệu điều tra, mức độ phức tạp của rừng mà ta chọn ra kiểu trạng thái rừng đặc trưng nhất để lập ô tiêu chuẩn điều tra)

- Từ hồ sơ thiết kế trồng rừng, chăm sóc rừng, xác định được địa hình khu rừng, thổ nhưỡng, loài cây trồng, điều kiện tự nhiên - dân sinh kinh tế xã hội.
- Khảo sát sơ bộ khu rừng để xác định sơ bộ một số chỉ tiêu sau:

+ Mật độ hiện còn của khu rừng.
+ Mức độ phân bố mật độ cây trong rừng đồng đều hay không đồng đều.
+ Địa hình khu rừng phức tạp hay không phức tạp.
+ Lập ô tiêu chuẩn đặc trưng nhất của các yếu tố trên.

Với mục đích điều tra tăng trưởng rừng phục vụ cho phương án quản lý và kinh doanh rừng của Công ty. Mặt khác đối tượng rừng điều tra ở đây là rừng trồng thuần loài, đồng tuổi, địa hình tương đối đồng nhất. Do vậy ô tiêu chuẩn được xác định lập với diện 100m^2 (10x10m) hoặc 500m^2 (20x25cm); và mỗi một lâm phần (đồng nhất về dạng lập địa) thì lập 3 ô tiêu chuẩn đại diện cho các vị trí chân, sườn, đỉnh.

3- Chuẩn bị dụng cụ:

- Bản đồ tổng thể khu rừng điều tra
- Dụng cụ để đánh dấu cây
- Máy định vị GPS
- Thước dây (30m)
- Thước Blume- leiss hoặc sào (có các vạch thước cách nhau 0.5m)
- Thước kẹp kính hoặc thước dây đo chu vi
- Biểu ghi số liệu đo đếm ngoại nghiệp
- Cột mốc bê tông hoặc sơn màu đỏ để đánh dấu ô tiêu chuẩn

4- Phương pháp lập ô tiêu chuẩn, tiến hành đo đếm các chỉ tiêu của lâm phần

4.1- Lập ô tiêu chuẩn:

- Di chuyển tới vị trí rừng trồng ngoài thực địa thông qua bản đồ rừng trồng đã được thiết kế và phê duyệt.
- Bằng quan sát tổng thể khu rừng, tìm được vị trí đặc trưng nhất của khu rừng điều tra (có các yếu tố đại diện dặc trưng cho cả khu rừng như: Mật độ cây hiện có, sinh trưởng, vị trí *(chân - sườn - đỉnh đồi),* Hướng phơi *(đông - tây - nam- bắc*).
- Dùng máy định vị (GPS) để xác định toạ độ địa lý góc xuất phát của ô tiêu chuẩn (nằm ở vị trí nào trên bản đồ và ngoài thực địa). Chôn cột mốc bê tông hoặc dùng Sơn đỏ đánh dấu ô tiêu chuẩn ở ngoài thực địa và bút mầu đánh dấu trên bản đồ. Tại góc xuất phát của ô tiêu chuẩn, dùng thước dây kéo thước theo hướng Bắc, tới hướng Đông, tới hướng Nam, tới hướng Tây và về điểm xuất phát ban đầu.

+ Ô tiêu chuẩn lập là 100m^2 thì kéo thước có chiều dài là 10m theo hướng Bắc, 10m theo hướng Đông, 10m theo hướng Nam và 10m theo hướng Tây.
+ Ô tiêu chuẩn lập là 200m^2 thì kéo thước có chiều dài là 20m theo hướng Bắc, 10m theo hướng Đông, 20m theo hướng Nam và 10m theo hướng Tây.
+ Ô tiêu chuẩn lập là 500m^2 thì kéo thước có chiều dài là 25m theo hướng Bắc, 20m theo hướng Đông, 25m theo hướng Nam và 20m theo hướng Tây.

- Trong ô tiêu chuẩn tiến hành đo đếm các chỉ tiêu sau:

+ Thống kê tất cả số cây có trong ô tiêu chuẩn
+ Dùng thước kẹp kính để đo đường kính thân cây ở vị trí 1.3m của tất cả cây có trong ô tiêu chuẩn. Dùng hai tay đưa thức kẹp lên, mở thước kẹp ra và kẹp vào thân cây ở vị trí 1.3m. Tiến

hành đọc số đã được vạch trên thước ta sẽ có kết quả đường kính thân cây vừa đo. Còn nếu dùng thước dây thì đo chu vi thân cây tại vị trí 1.3m của tất cả cây có trong ô tiêu chuẩn.

+ Dùng thước Blume - leiss để đo chiều cao vút ngọn của cây: Đứng cách gốc cây một khoảng L (ứng với cụ ly ngang ghi trên thước), nhìn đúng điểm cần đo cao trên thân cây qua ống ngắm rồi nhẹ nhàng mở nút hãm cho kim hoạt động tự do . Khi kim hết giao động hãy bấm nút hãm cho kim cố định trên thang chia, đọc kết quả kim chỉ trên thang chia ứng với cự ly ngang L đã chọn , gọi là **h1.** Sau đó ngắm vào gốc cây thao tác như trên ta được kết quả **h2**. Nếu kết quả đọc được ở hai phía của vạch số **0** thì cộng lại, nếu kết quả nằm cùng một phía của vạch số **0** thì trừ cho nhau sẽ được chiều cao cần đo. Còn nếu dùng sào thì đưa sào dựng đứng theo thân cây cần đo và đọc kết quả chiều cao của cây.

+ Hình số thân cây lấy trung bình là : **f = 0.45** (tạm thời lấy giá trị f=0.45, sau khi có số liệu thí nghiệm đo thể tích cây sẽ có giá trị f chính xác hơn).

5- Biểu mẫu đo đếm ngoại nghiệp:

(Mẫu đính kèm)

5.1- Tính toán trữ lượng cây đứng trong ô tiêu chuẩn:

$$V=(\frac{3.14}{4} . d^2_{1.3} . h_{vn} . f_{1.3}) . N = ??? (m^3)$$

- V: Trữ lượng có trong ô tiêu chuẩn (m^3)
- $d_{1.3}$: đường kính trung bình tại vị trí 1.3m (m)
- h_{vn}: chiều cao vút ngọn trung bình (m)
- $f_{1.3}$: hình số của cây
- N: tổng số cây có trong ô tiêu chuẩn (cây)

5.2- Tính trữ lượng cây đứng của toàn lâm phần :

Đối với ô tiêu chuẩn có diện tích 500m^2, công thức tính trữ lượng sẽ là:

$$M = S \times 20 \times \overline{V} \ (m^3)$$

- M: trữ lượng cây đứng toàn lâm phần (m^3)
- S : Diện tích toàn lâm phần (ha)
- $\overline{V}$: Trữ lượng cây đứng trung bình trong một ô tiêu chuẩn (m^3)

Đối với ô tiêu chuẩn có diện tích 100m^2, công thức tính trữ lượng sẽ là:

$$M = S \times 100 \times \overline{V} \ (m^3)$$

- M: trữ lượng cây đứng toàn lâm phần (m^3)
- S : Diện tích toàn lâm phần (ha)
- $\overline{V}$: Trữ lượng cây đứng trung bình của một ô tiêu chuẩn (m^3)

5.3- Tăng trưởng hàng năm của rừng: *(là lượng biến đổi được trong một đơn vị thời gian gọi là tăng trưởng)*

$ZM = M_{A2} - M_{A1}$ *với* $A_2 - A_1 = 1$

$Z_nM = M_{An} - M_{A1}$ *với* $A_n - A_1 = 2, 3, 4---n$

$\Delta_nM = Z_n M/n$

Trong đó:

ZM: Tăng trưởng hàng năm về trữ lượng.

Z_nM *: Tăng trưởng định kỳ về trữ lượng (trong n năm)*

Δ_nM*: Tăng trưởng bình quân định kỳ về trữ lượng.*

$A_1, A_2 \ ... \ A_n$*: Tuổi lâm phần.*

4.3. Quy trình giải quyết mâu thuẫn phát sinh

QUI TRÌNH GIẢI QUYẾT MÂU THUẪN

Trong quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty, có thể nảy sinh những vấn đề khúc mắc và mâu thuẫn giữa các bên liên quan như các quyết định về việc làm, quyền sử dụng đất, công tác quản lý bảo vệ rừng, hưởng lợi từ rừng hoặc những vấn đề có liên quan khác..... Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc xử lý những ý kiến thắc mắc, mâu thuẫn trên, Công ty quyết định ban hành văn bản này làm cơ sở căn cứ để giải quyết mâu thuẫn.

I/ Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn:

Công ty giải quyết mâu thuẫn theo trình tự như sau:

1- Giải quyết mâu thuẫn dựa trên cơ sở cùng lắng nghe và trao đổi ý kiến, quan điểm trên tinh thần bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và bảo đảm quyền lợi của cả đôi bên.

2- Ưu tiên giải quyết mâu thuẫn thông qua gặp gỡ thương lượng, tự hòa giải trên tinh thần động viên khuyến khích các bên tự nguyện tuân theo các chuẩn mực đạo đức, phong tục tập quán địa phương hoặc tuân thủ theo những quy định của pháp luật hiện hành.

3- Trường hợp hai bên không tự giải quyết được mâu thuẫn thì cần sự can thiệp của bên thứ ba để giải quyết theo trình tự tăng dần:

3.1. Ban hòa giải giải quyết.

3.2. Tòa án cấp huyện.

3.3. Nếu tòa án cấp huyện giải quyết chưa thỏa đáng thì một trong hai bên có thể kiện lên tòa án cấp cao hơn.

4. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân thủ.

5. Cưỡng chế theo phán quyết của tòa án là biện pháp cuối cùng.

II/ Tổ chức hệ thống giải quyết mâu thuẫn:

- *Bộ phận tiếp nhận đơn thư thắc mắc:*

- Tất cả cán bộ công nhân viên công ty có trách nhiệm tiếp nhận hoặc chỉ dẫn nơi có trách nhiệm tiếp nhận các đơn thư thắc mắc, khiếu nại để chuyển về bộ phận xử lý và lưu giữ hồ sơ.

- *Bộ phận xử lý và lưu giữ hồ sơ:*
  - Người quản lý cấp cao của công ty.
  - Cán bộ lâm nghiệp hiện trường, quản lý đơn vị, hoặc cấp trên nơi mà đơn thư ý kiến thắc mắc, khiếu nại được nhận và lưu giữ (nếu có)
  - Nhóm /thành viên nơi mà đơn thư được nhận và lưu giữ (nếu có)
  - Nơi lưu giữ từ các đơn thắc mắc, khiếu nại đến hồ sơ đã giải quyết cuối cùng.

- *Thành phần Ban hòa giải gồm:*

- Đại diện Công ty: Giám đốc (hoặc Phó giám đốc), Trưởng phòng nhân sự trong mối quan hệ với công nhân viên, Trưởng phòng lâm sinh và nguyên liệu giấy trong vấn đề liên quan đến quản lý bảo vệ rừng và thu mua nguyên liệu…
- Đại diện thôn bản (trưởng thôn/bản; già làng...)
- Đại diện chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan.

- *Nhiệm vụ Ban hòa giải:*

- Tìm hiểu, phân tích những mâu thuẫn có thể xảy ra và tìm giải pháp ngăn ngừa mâu thuẫn.
- Hoàn thiện hệ thống giải quyết mâu thuẫn nhanh và kịp thời, không để xảy ra xung đột.
- Tuyên truyền giáo dục để các bên liên quan hiểu và nâng cao ý thức chấp hành chủ trương, pháp luật Nhà nước.
- Khi xảy ra mâu thuẫn cần giải quyết nhanh chóng, công bằng và hợp lý, tuân theo nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn.
- Rút kinh nghiệm và theo dõi việc thực hiện các thỏa thuận đạt được trong xử lý mâu thuẫn và hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa.

III/ Thắc mắc, khiếu nại từ phía cộng đồng:

Không triển khai hoặc tạm dừng các hoạt động ngay lập tức khi có khiếu kiện của người dân liên quan đến quá trình sử dụng đất hoặc các tác động tiêu cực do các hoạt động trồng rừng gây nên làm ảnh hưởng đến đời sống người dân. Mọi việc phải giải quyết xong mới được thi công các hạng mục tiếp theo.

1. Thu nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại:

Công ty tiếp nhận tất cả những thắc mắc, khiếu nại bằng văn bản hoặc bằng lời. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến khích các bên đưa ra những thắc mắc, khiếu nại ở dạng văn bản. Nếu người thắc mắc, khiếu nại không thể trình bày được ở dạng văn bản, người nhận ý kiến thắc mắc, khiếu nại (của công ty) có thể viết lại những thắc mắc, khiếu nại đó bằng văn bản và chuyển đến Bộ phận xử lý và lưu giữ hồ sơ.

2. Xử lý đơn thư thắc mắc, khiếu nại và mâu thuẫn:

Cá nhân (hoặc nhóm) chịu trách nhiệm xử lý sẽ đại diện Công ty thông báo cho tổ chức, cá nhân có thắc mắc, khiếu nại và luôn dành cơ hội đưa ra bối cảnh của thắc mắc, khiếu nại hay chính công ty trình bày các nguyên nhân, lập trường của mình về mâu thuẫn (ví dụ: sự giải thích riêng của họ về vụ việc, bối cảnh lịch sử hay tình hình đã xảy ra). Việc này có thể được thực hiện bằng lời trong gặp gỡ các bên hoặc bằng văn bản theo Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn như trên.

IV) Thắc mắc, khiếu nại từ phía công ty:

Trường hợp mâu thuẫn do tài sản và quyền lợi của công ty bị gây thiệt hại, quá trình xử lý cũng qua các bước:

- Cá nhân chịu trách nhiệm xử lý sẽ đại diện Công ty thông báo trước đến người gây thiệt hại về những hành vi gây hại và đề nghị họ điều chỉnh hành vi của mình trong một thời hạn nhất định tùy mức độ vi phạm.

- Nếu người vi phạm không điều chỉnh hành vi và tiếp tục gây thiệt hại cho công ty thì 2 bên cùng sắp xếp gặp nhau và bàn bạc, giải quyết mâu thuẫn theo trình tự nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn như trên.

V) Giải pháp:

Nếu có thể giải quyết mâu thuẫn, khiếu nại trong các bước đã kể trên, cần có các biên bản ghi nhớ để ghi lại, lưu trữ và gửi cho người chịu trách nhiệm (của công ty) và người thắc mắc, khiếu nại; cung cấp tài liệu cuối cùng và kết thúc trường hợp mâu thuẫn, thắc mắc, khiếu nại. Sau đó là thực hiện các quyết định đã được thỏa thuận.

4.4 QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ ĐẤT, QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

I. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

1.Phân tích các mâu thuẫn có thể phát sinh:

Công ty CP Lâm đặc sản Xuất Khẩu Quảng Nam đang quản lý kinh rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC với diện tích **1.306,00** ha. Trong đó: Diện tích được UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) giao quản lý sử dụng là: 1.172,4 ha tại các xã Tam Xuân, Tam Anh, Đức Phú, Núi Thành, Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, UBND thành phố Đà Nẵng giao quản lý và sử dụng diện tích 133,6 ha tại xã Hòa Vang. Trong quá trình quản lý và sử dụng đất có thể xảy ra việc tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất, phá rừng để lấy đất làm nương rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp để canh tác nông nghiệp, … giữa Công ty với các tổ chức và người dân địa phương.

2. Giải thích từ ngữ:

– Tranh chấp đất đai: Là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai.

– Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

– Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất mà không trả lại đất.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty:

Công ty được giao quản lý Đất rừng sản xuất. Nhà nước giao cho thuê đất đối với diện tích rừng trồng sản xuất.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty: Thực hiện theo Luật đất đai năm 2024; 31/2024/QH15 – ngày 18/01/2024 của Quốc Hội và các qui định hiện hành của Nhà Nước.

4. Phân loại các dạng tranh chấp quyền sử dụng đất, lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp:

4.1. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

– Việc tranh chấp quyền sử dụng đất có thể do tổ chức và cộng đồng dân cư địa phương hoặc cán bộ công nhân viên Công ty chưa nắm rõ ranh giới về đất giữa lâm phận do Công ty quản lý và địa phương quản lý.

– Cộng đồng dân cư khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nơi khác nhưng khi canh tác lại canh tác trên lâm phận của Công ty quản lý hoặc ngược lại.

4.2. Về lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp:

– Người dân địa phương chiếm đất hoặc mở rộng đất canh tác bất hợp pháp trên diện tích đất của Công ty (hoặc ngược lại).

– Đất xâm lấn cũ: Người dân đang canh tác hoặc bỏ hoang hóa trên đất lâm nghiệp của Công ty.

– Đất xâm lấn mới: Người dân mới phá rừng hoặc lấn, chiếm đất lâm nghiệp để canh tác.

5. Trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp:

5.1. Tranh chấp về quyền sử dụng đất:

Tranh chấp do chưa nắm rõ ranh giới về đất giữa lâm phận do Công ty quản lý và địa phương quản lý, trình tự thủ tục giải quyết như sau:

– Tổ chức và cộng đồng dân cư hoặc Công ty có đơn thư khiếu nại về quyền sử dụng đất hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

– Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị lấn chiếm yêu cầu bên được coi là lấn chiếm tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

– Sau chậm nhất là 3 ngày, Công ty phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân có liên quan tiến hành kiểm tra, xác minh, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp.

Sau khi có biên bản kiểm tra, xác minh hiện trường tranh chấp, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, Công ty và tổ chức hoặc cá nhân có liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ **Trường hợp thứ nhất:** Nếu phía Công ty sai, thì phải thỏa thuận bồi thường cho tổ chức hoặc cộng đồng dân cư ít nhất bằng giá trị mà Công ty đã gây thiệt hại và trả lại phần đất đó cho tổ chức hoặc cộng đồng dân cư.

+ **Trường hợp thứ hai:** Nếu Tổ chức, cộng đồng dân cư sai, thì phải thỏa thuận bồi thường cho Công ty ít nhất bằng giá trị mà bên đó gây thiệt hại cho Công ty và phải trả lại phần đất đó cho Công ty.

+ **Trường hợp thứ ba:** Người dân sai, thì trả lại phần đất cho Công ty hoặc trồng lại rừng (nếu là diện tích đất đó có rừng trồng).

+ **Trường hợp thứ tư**: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

5.2. Về lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp:

a/ Đối với tổ chức hoặc cá nhân không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi xảy ra vụ việc, Công ty lập hồ sơ gửi cơ quan chức năng giải quyết theo qui định của pháp luật như sau:

– Mức độ vi phạm hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý theo Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/04/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

– Mức độ hình sự: Theo qui định hiện hành của pháp luật.

b/ Đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư địa phương sống trong và ven lâm phần của Công ty:

b1. Đối với nương, rẫy và đất xâm lấn cũ:

b1.1. Nếu xác định đúng người vi phạm:

– Công ty cử cán bộ phụ trách địa bàn phối hợp với chính quyền xã, thôn và người có liên quan tiến hành điều tra, xác minh hiện trường và lập biên bản theo quy định đối với diện tích đất bị lấn chiếm.

– Sau đó Công ty cử cán bộ đại diện cùng với chính quyền xã, thôn và người có liên quan tổ chức họp, bàn bạc, xác định và thống nhất cách giải quyết.

– Vận động người vi phạm ký cam kết không được mở rộng diện tích đất lấn chiếm và sau khi thu hoạch sản phẩm sẽ trả lại diện tích đất đó để trồng rừng và giao khoán cho người dân.

– Công ty sẽ hỗ trợ cây giống và kỹ thuật để người dân trồng lại rừng trên diện tích đất lấn chiếm. Trong thời gian rừng trồng chưa khép tán, người dân được trồng xen dưới tán rừng các loài cây nông nghiệp ngắn ngày và được hưởng toàn bộ sản phẩm trồng xen đó. Người dân được nhận khoán bảo vệ rừng và hưởng lợi sản phẩm khi thu hoạch cùng Công ty.

b1.2. Nếu chưa xác định được người vi phạm:

– Cán bộ phụ trách địa bàn (Công ty) phối hợp với lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng, cán bộ địa chính xã hoặc điều tra thu thập thông tin qua các chủ vườn kế cận để làm rõ nhân thân địa chỉ của người đang canh tác.

– Trong quá trình tuần tra, cán bộ phụ trách địa bàn phối hợp với lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng kiểm tra vào thời điểm thu hoạch mùa vụ canh tác để tiếp cận người dân và làm rõ nhân thân của người đang canh tác.

– Khi đã xác định nhân thân của người đang canh tác thì áp dụng thực hiện các bước như đã nêu tại điểm b1.1.

b2. Đối với nương, rẫy, đất xâm lấn mới: Mới phát dọn hoặc phát dọn, đốt nhưng chưa canh tác hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị canh tác lần đầu.

b2.1. Trường hợp xác định được người vi phạm:

– Công ty cử cán bộ phụ trách địa bàn phối hợp với chính quyền xã, thôn và người có liên quan tiến hành điều tra, xác minh hiện trường và lập biên bản theo quy định đối với diện tích đất bị lấn chiếm để xử lý.

– Sau đó Công ty cử cán bộ đại diện cùng với chính quyền xã, thôn và người có liên quan tổ chức họp, xác định và thống nhất cách giải quyết theo hướng như sau:

+ Người vi phạm giao trả đất lấn chiếm để Công ty lập kế hoạch trồng rừng. Khi thực hiện, ưu tiên cho người vi phạm được trực tiếp tham gia trồng rừng, chăm sóc rừng trồng và được thanh toán chi phí nhân công trồng rừng và chăm sóc rừng trồng. Người dân được nhận khoán bảo vệ rừng và hưởng lợi sản phẩm khi thu hoạch cùng Công ty.

+ Trường hợp người vi phạm không chịu giao trả đất lấn chiếm để Công ty lập kế hoạch trồng lại rừng và không tham gia hợp đồng trồng rừng thì Công ty lập biên bản đối với người vi phạm và đề nghị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; đồng thời Công ty tổ chức trồng lại rừng trên diện tích đó.

b2.2. Trường hợp không xác định được người vi phạm:

– Cán bộ phụ trách địa bàn (Công ty) phối hợp với chính quyền xã, thôn tiến hành điều tra, thu thập thông tin, xác minh hiện trường và lập biên bản đối với diện tích đất bị lấn chiếm chưa xác định người vi phạm.

– Công ty đề nghị chính quyền xã, thôn tổ chức mời gọi các hộ canh tác lân cận vị trí đất bị lấn chiếm để họp, vận động, tuyên truyền và đấu tranh làm rõ các thông tin liên quan để xác định đối tượng vi phạm. Trong số hộ được chính quyền mời lên làm việc, nếu có hộ canh tác liền kề nhận hành vi vi phạm tại vị trí nêu trên thì sẽ áp dụng hình thức xử lý như nội dung điểm b2.1; nếu không có hộ nào nhận thì yêu cầu tất cả các hộ ký cam kết không được sử dụng đất lâm nghiệp do mới bị lấn chiếm trong lâm phần của Công ty quản lý, đồng thời đề nghị các hộ cung cấp thêm

thông tin liên quan đến vị trí đất mới bị lấn chiếm để Công ty có cơ sở tiếp tục xử lý trong thời gian tới.

– Sau đó, Công ty chỉ đạo Lực lượng bảo vệ rừng tăng cường tuần tra, kiểm tra khu vực đó để điều tra, thu thập thông tin hoặc phát hiện đối tượng vi phạm và lập hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định.

– Công ty phối hợp với chính quyền địa phương, thôn/bản tuyên truyền, vận động người dân không xâm hại rừng, không lấn, chiếm đất lâm nghiệp; vận động các hộ canh tác liền kề nhận thực hiện trồng lại rừng trên diện tích bị lấn chiếm.

b3. Đối với hành vi tái lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp (tái phạm, vi phạm nhiều lần):

Sau khi ban hành quy trình và đã được phổ biến nội dung, tuyên truyền, giải thích, vận động nhưng các hộ vi phạm không thực hiện cam kết trồng lại rừng theo kế hoạch của Công ty thì sẽ áp dụng hình thức xử lý vi phạm hành chính theo qui định của pháp luật hiện hành.

II. HIỆU LỰC SỬ DỤNG QUY TRÌNH:

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được sử dụng trong dài hạn, trong suốt quá trình thực hiện quản lý rừng bền vững của Công ty CP Lâm đặc sản Xuất khẩu Quảng Nam.

Quy trình có thể được bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty và của người dân địa phương.

Trên đây là nội dung quy trình giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất và các hành vi lấn, chiếm rừng và đất lâm nghiệp của Công ty. Quy trình được gửi đến UBND các Xã để phối hợp thực hiện cùng Công ty trong việc giải quyết các tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất.

Các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có trách nhiệm quản lý rừng và đất lâm nghiệp căn cứ quy trình này để giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất (nếu có xảy ra). Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra bất cập thì Công ty cùng các tổ chức có liên quan hoặc cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương cấp xã sẽ tổ chức phối hợp bàn bạc, giải quyết và điều chỉnh quy trình cho phù hợp./.

QT-FRC05
Ngày ban hành: 01/9/2025

4.5. Quy trình giải quyết khiếu nại:

*** Thuật ngữ và định nghĩa:**

+ Khiếu nại bên trong: Các khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBCNV trong toàn Công ty.

+ Khiếu nại bên ngoài: Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người nhận khoán trồng, chăm sóc rừng, QLBVR Công ty, người dân địa phương liên quan đến các vấn đề dân sinh như; đất đai, môi trường, các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Nội dung:**

Bước 1: Tiếp nhận thông tin

Tiếp nhận thông tin người tiếp nhận cần ghi nhận thông tin chi tiết của người khiếu nại bao gồm tên, địa chỉ liên lạc, nội dung khiếu nại, và các bằng chứng liên quan (nếu có). Thông tin

khiếu nại, phàn nàn sẽ được ghi nhận vào Sổ đăng ký khiếu nại QT-FRC05.M01

Xác nhận tiếp nhận: Sau khi tiếp nhận khiếu nại, một thông báo xác nhận bằng văn bản được gửi đến người khiếu nại để thông báo rằng khiếu nại đã được nhận theo mẫu QT-FRC05. M02

Bước 2: Phân loại khiếu nại; chuyển đến cá nhận hoặc bộ phận phụ trách và Xác minh thông tin

- Khiếu nại sẽ được phân loại dựa trên mức độ nghiêm trọng, tính khẩn cấp và thẩm quyền giải quyết sau đó Khiếu nại sẽ được chuyển đến đúng bộ phận hoặc cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

- Đối với các khiếu nại nghiêm trọng Ban lãnh đạo Công ty cần phải tạm dừng ngay các hoạt động diễn ra khi có các tranh chấp kéo dài chưa được giải quyết, các vấn đề nghiêm trọng và ảnh hưởng đến nhiều bên liên quan.

- Hoặc các khiếu nại liên quan đến các vấn đề:

+ Ảnh hưởng đến quyền hợp pháp và phong tục của người dân bản địa và cộng đồng địa phương;

+ Khi các tác động tiêu cực của hoạt động quản lý ở quy mô lớn không thể khắc phục hoặc giảm nhẹ được

+ Có bạo lực thể chất

+ Phá hủy tài sản

+ Có yếu tố quân sự

+ Có hành vi đe dọa đối với công nhân cán bộ lâm nghiệp và các bên liên quan

- Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận thông tin việc xác minh sẽ được thực hiện.

- Nếu thông tin khiếu nại chưa đúng thì phản hồi đến bên khiếu nại bằng văn bản kèm theo bằng chứng bác khiếu nại trong vòng 03 ngày tiếp theo QT-FRC05. M03

- Nếu thông tin khiếu nại là đúng thực hiện theo bước 3

Bước 3: Giải quyết khiếu nại

Khiếu nại trong nội bộ Công ty:

Nếu thành viên khiếu nại một thành viên trong Công ty thì Ban chấp hành Công đoàn Công ty là bộ phận giải quyết.

Nếu vấn đề khiếu nại nghiêm trọng thì thông tin sẽ chuyển đến Ban lãnh đạo Công ty để được giải quyết.

Thực hiện việc điều tra nguyên nhân và khắc phục thông tin khiếu nại trong vòng 30 kể từ ngày xác minh thông tin QT-FRC05. M03

Kiểm tra hành động khắc phục và phản hồi đến bên khiếu nại về kết quả kèm bằng chứng khắc phục trong vòng 07 ngày sau đó

Khiếu nại từ bên ngoài hoặc các bên liên quan:

Lãnh đạo Công ty sẽ phân công nhân sự điều tra nguyên nhân và Đưa ra giải pháp khắc phục QT-FRC05. M03.

Thực hiện việc khắc phục thông tin khiếu nại trong vòng 30 kể từ ngày xác minh thông tin QT-FRC05. M03.

Kiểm tra hành động khắc phục và phản hồi đến bên khiếu nại về kết quả kèm bằng chứng khắc phục trong vòng 07 ngày sau đó QT-FRC05.M04

Đối với một số tình huống, việc khắc phục cần nhiều thời gian thì Lãnh đạo công ty phải thông báo bằng văn bản và đưa ra mốc thời gian cụ thể sẽ phản hồi kết quả.

Bước 4: Lưu hồ sơ và kết thúc khiếu nại

Bước 5: Báo cáo và đánh giá

- Báo cáo nội bộ**:** Các khiếu nại và quá trình giải quyết sẽ được báo cáo định kỳ để đánh giá hiệu quả và rút kinh nghiệm cho các vụ việc tiếp theo.

Cải thiện quy trình**:** Dựa trên báo cáo và phân tích các khiếu nại đã được giải quyết, quy trình có thể được điều chỉnh hoặc cải tiến để nâng cao hiệu quả trong tương lai.

*** Phụ lục:**

STT	Mã số	Tên tài liệu/biểu mẫu
1	QT-FRC05.M01	Sổ đăng ký khiếu nại/ theo dõi hành động khắc phục khiếu nại
2	QT-FRC05.M02	Thư phản hồi khiếu nại
3	QT-FRC05. M03	Phân tích nguyên nhân, biện pháp xử lý khiếu nại
4	QT-FRC05.M04	Thư phản hồi kết quả khiếu nại

4.6. Quy trình giám sát, đánh giá

QT/FSC®-01.16
Ngày ban hành:
15/3/2022

QUY TRÌNH
GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

I. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

1. Mục đích:

Giúp công ty nắm được tình hình, kết quả trong toàn bộ các hoạt động của công ty theo đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp. Kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế những sai phạm, thất thoát, lãng phí trong quá trình triển khai để bảo đảm sự thành công của công việc.

Giám sát các hoạt động có tuân thủ theo quy trình đã được ban hành, cũng như tiến độ thực hiện các quy trình, hạng mục từ đó có những biện pháp xử lý, điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn sản xuất tại Công ty và đáp ứng nguyên tắc FSC®.

2. Yêu cầu:

Hệ thống giám sát và đánh giá được xây dựng đơn giản giúp cán bộ chuyên trách nhiệm vụ theo dõi và giám sát dễ dàng nắm bắt công việc kịp thời và hiệu quả. Những người chịu trách nhiệm thực hiện giám sát có đủ phẩm chất cá nhân và kỹ thuật cần thiết.

3. Khái niệm về "hoạt động" cần giám sát:

Giám sát và đánh giá là các công cụ quản lý quan trọng để theo dõi tiến độ thực hiện và hỗ trợ quá trình ra quyết định của công ty.

Một hệ thống Giám sát & Đánh giá (M&E) là một công cụ hữu hiệu trong việc cung cấp các phản hồi liên tục về tiến độ và tính hiệu quả của công ty cũng như các khó khăn mà công ty đang đối mặt. Thu thập và phân tích dữ liệu có hệ thống có chức năng tổng hợp và làm rõ các thông tin liên quan đến việc quá trình quản lý và đưa ra quyết định, và đề xuất các thông tin thiết yếu cho kế hoạch sắp tới.

Giám sát: là thu thập và phân tích dữ liệu mang tính hệ thống liên quan đến các hoạt động do công ty thực hiện. Là một chức năng được thực một cách liên tục nhằm cung cấp cho công ty, cấp quản lý và các bên có liên quan các dấu hiệu về tác động thành công hoặc không thành công ban đầu của các hoạt động, dự án, chương trình, công việc đang triển khai thực hiện. Giám sát cung cấp nền tảng cho việc đánh giá.

Đánh giá: là một trong những chức năng của quản lý liên quan quy trình chuyển đổi các dữ liệu giám sát thành thông tin và kiến thức. Đánh giá là quy trình hỗ trợ việc ra quyết định của các công ty một cách có hệ thống và khách quan một dự án, chương trình, hoạt động, công việc đang được thực hiện hoặc đã hoàn thành từ giai đoạn thiết kế đến triển khai và các kết quả đạt được. Việc đánh giá các khía cạnh khác nhau là rất hữu hiệu để điều chỉnh kế hoạch của hoạt động sắp tới và cải thiện việc làm việc của công ty.

4. Danh sách các hoạt động/ lĩnh vực cần giám sát:

Mục đích của việc đánh giá là để xác định tính phù hợp và mức độ hoàn thành các mục tiêu, tính hiệu quả, tác động và tính bền vững. Giúp công ty nắm bắt được thực trạng công việc đang diễn ra để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nguồn lực của công ty. Hệ thống giám sát và đánh giá được xây dựng đơn giản giúp cán bộ chuyên trách dễ dàng theo dõi giám sát và nắm bắt công việc. Công ty cử cán bộ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát gồm có: một cán bộ (phân trường) chịu trách nhiệm giám sát thu thập số liệu tại hiện trường và một cán bộ thuộc phòng kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng thực hiện việc kiểm tra báo cáo của cán bộ giám sát hiện trường (nếu nội dung có liên quan đến ATVSLĐ-An Toàn thực phẩm thì mời phòng Tổ chức-hành chính tham gia kiểm tra giám sát) đồng thời lưu trữ hồ sơ tài liệu bằng giấy và theo dõi trên máy tính. Công việc sẽ được thực hiện thường xuyên 1lần/ tháng.

Danh sách hoạt động giám sát chính đã được công ty thống nhất và lựa chọn dựa trên Hướng dẫn Hệ thống giám sát và đánh giá được xây dựng theo ba lĩnh vực sau:

1. Tác động xã hội;

2. Hoạt động trồng, chăm sóc,khai thác, quản lý bảo vệ rừng;

3. Tác động môi trường;

* Tác động xã hội gồm hai khía cạnh: tác động xã hội nội bộ và tác động xã hội bên ngoài:

+ Tác động xã hội nội bộ gồm: (1) mức độ hài lòng trong công việc; (2) sức khỏe (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp..); (3) an toàn lao động; (4) cơ chế khiếu nại.

+ Tác động xã hội bên ngoài: (1) mức độ phối hợp giải quyết các mâu thuẫn ; (2) sức khỏe (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế); (3) an toàn lao động; (4) cơ chế khiếu nại.

* Hoạt động khai thác gồm các hoạt động sau cần giám sát : (1) thiết kế khai thác, (2) làm đường; (3) khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ; (4) vận xuất, tập kết gỗ chính phẩm tại bãi gỗ; (5) gỗ tận thu tận dụng, cành ngọn; (6) vận chuyển gỗ; (7) vệ sinh rừng; (8) lâm sinh; (9) bán hàng và doanh thu.

* Tác động môi trường gồm có đánh giá trước khai thác và đánh giá sau khai thác, thực hiện những hoạt động sau: (1) tác động từ làm đường; (2) tác động từ khai thác; (3) cháy rừng; (4) các HCVF; (5) khai thác lâm sản trái pháp luật.

5. Giám sát thường xuyên :

Công tác giám sát sẽ thực hiện theo Mẫu biểu của Công ty. Nội dung giám sát bao gồm:

a. Môi trường sống của động thực vật, đất đai, khu vực phòng hộ ven sông suối, gỗ và lâm sản ngoài gỗ được giám sát theo tháng, theo quý, hoặc trước và sau khi khai thác. Tần suất giám sát phụ thuộc vào đối tượng cần giám sát.

b. Các biểu hiện sâu bệnh hại, cháy rừng, v.v…

c. Kiểm tra đảm bảo không có hoạt động lâm nghiệp trái phép diễn ra.

d. Quản lý các khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

Kết quả giám sát phải được ghi lại bằng văn bản hoặc ảnh chụp, có ghi thời gian giám sát;

Hàng tuần, phân trường trưởng/tiểu khu trưởng quản lý và bảo vệ rừng phải tổng hợp các ghi chép theo dõi giám sát của tổ nhóm nhận khoán tuần tra theo kế hoạch và gửi lên Phòng kỹ thuật QLBVR. Trong trường hợp phát hiện vấn đề trong quá trình giám sát, phải báo cáo lên Phòng Kỹ thuật-QLBVR và Ban giám đốc trong vòng 1 ngày kể từ khi phát hiện để đưa ra giải pháp khắc phục.

6. Quy trình giám sát (bao gồm các chỉ số giám sát, kế hoạch/ tần suất, lịch giám sát, và phương tiện)

Quy trình giám sát thường xuyên các hoạt động khai thác nhằm giúp công ty kịp thời nắm bắt các tác động tích cực và tiêu cực đang diễn ra trong khu vực khai thác. Do vậy, công ty cần xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể cho từng hoạt động như: làm đường (có đúng với thiết kế không), chặt hạ (có đúng kỹ thuật khai thác tác động thấp), vận chuyển (có được cập nhật theo dõi trong sổ cập nhật), quản lý rác thải, chất thải, xói mòn đất… Việc giám sát này sẽ được giao cho một cán bộ kỹ thuật thường xuyên ghi chép hàng ngày các hiện tượng xảy ra trên hiện trường (dựa trên mẫu biểu giám sát).

Tần xuất và lịch giám sát các hoạt động phụ thuộc vào quy mô và cường độ khai thác. Công ty phải xây dựng kế hoạch chi tiết dựa trên hoạt động năm của Công ty.

7. Danh sách các chỉ số tác động môi trường và xã hội của hoạt động lâm nghiệp

Hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động quản lý rừng bền vững đã được xây dựng các nguyên tắc và chỉ số cụ thể. Danh sách các chỉ số tác động môi trường và xã hội của hoạt động lâm nghiệp như sau:

1.Tác động môi trường gồm: (1) tác động làm đường (đường vận chuyển chính và đường vận xuất); (2) tác động trong quá trình khai thác *(tuân thủ theo Quy trình khai thác)*; (3) khu vực bảo vệ (như khu vực loại trừ, bảo vệ ven sông suối, khu vực giá trị bảo tồn cao); (4) Cháy rừng; (5) khai thác trái phép; (6) Quản lý rác thải và chất thải; (7) Quản lý hóa chất và phân bón; (8) Quản lý sự cố rò rỉ dầu nhớt.

2. Tác động xã hội gồm: an toàn lao động; bảo hiểm xã hội; sức khỏe công nhân; nhu cầu sử dụng lâm sản ngoài gỗ người dân; hỗ trợ của công ty cho cộng đồng, giải quyết tranh chấp, xung đột về đất đai.

8. Giám sát hoạt động khai thác

Các hoạt động giám sát khai thác gồm:

+ Đánh giá trước khi khai thác;

+ Giám sát quá trình khai thác (gồm giám sát kỹ thuật, an toàn lao động, hiệu suất khai thác và giám sát truy nguyên nguồn gốc);

+ Đánh giá sau khai thác;

Trước và sau khi khai thác, Xí nghiệp lâm nghiệp tổ chức và phân công cán bộ thực hiện đánh giá tác động khai thác bao gồm các nội dung sau:

– Kiểm tra việc thực hiện khai thác có tuân thủ với hồ sơ thiết kế khai thác hay không, bao gồm hướng đổ, gốc chặt của cây khai thác; khu vực loại trừ; các cây loại trừ, cây bảo vệ; đường vận chuyển, vận xuất, khu vực vùng đệm, …

– Kiểm tra vệ sinh rừng sau khai thác;

– Đánh giá mức độ xói mòn, sạt lở đất trên dường vận chuyển, vận xuất;

Phương pháp sử dụng là ghi lại các quan sát trong quá trình điều tra đường lâm nghiệp và kiểm tra khu khai thác về các tác động sinh thái như xói mòn đất, sạt lở đất, sự cố tràn dầu, đổ nhớt, rác thải trong khai thác, các thiệt hại do hành vi bất cẩn của con người …vv.

Trong quá trình khai thác, hàng ngày hoặc ít nhất là hàng tuần Xí nghiệp Lâm nghiệp phải cử nhân viên ghi chép theo dõi quá trình khai thác theo hồ sơ thiết kế khai thác, bản đồ thiết kế khai thác, giấy phép khai thác, ghi chép quản lý *Chuỗi hành trình sản phẩm*. Trong trường hợp phát hiện vấn đề trong quá trình giám sát, phải báo cáo lên lãnh đạo Xí nghiệp ngay trong vòng 1 ngày kế từ khi phát hiện để đưa ra giải pháp khắc phục.

Nếu sau khi khai thác, đường bị xói mòn hoặc sạt lở thì Xí nghiệp Lâm nghiệp phải lập kế hoạch và thực hiện việc nâng cấp và bảo dưỡng, sửa chữa đường trước mùa mưa. Nếu mùa mưa kéo dài, thì Xí nghiệp phải phân công người kiểm tra đường thường xuyên hoặc tham mưu giao nhiệm vụ cho cán bộ giam sát khu khai thác kiểm tra báo cáo về Xí nghiệp sau mỗi đợt mưa và bảo dưỡng, sửa đường kịp thời nếu đường vẫn còn bị xói mòn hoặc sạt lở;

9. Giám sát và quy trình đánh giá tác động môi trường:

Được thực hiện cho các hoạt động sau:

+ Đánh giá trước và sau khai thác;

+ Đánh giá trước khi tiến hành trồng rừng;

+ Giám sát các hoạt động trồng rừng, chăm sóc, QLBV và PCCCR…;

10. Giám sát rừng có giá trị bản tồn cao (HCVF):

Đây là nội dung quan trọng trong thực hiện chứng chỉ rừng. Công ty đã xác định và khoanh vùng rừng có giá trị bảo tồn cao trên bản đồ và có báo cáo. Dựa trên khung giám sát đã được xác định trong báo cáo HCVF, Công ty thực hiện giám sát bằng việc tuần tra thường xuyên tại các khu vực có sự hiện diện HCVF. Nội dung giám sát chính gồm:

– Tuần tra định kỳ theo các khu vực có hiện diện của HCVF và cả khu vực hành lang nối liền các khu HCVF;

– Xác định các mối đe dọa đang hiện hữu, hoặc tiềm ẩn trong tương lai;

– Kết quả quan sát khi tuần tra phải được ghi vào báo cáo và hoặc nhật ký;

– Báo cáo kết quả lên ban lãnh đạo để tìm ra biện pháp quản lý, ứng phó phù hợp để chặn đứng hoặc giảm nhẹ các mối đe dọa đó;

– Các mối đe dọa có thể bao gồm khai thác gỗ trái phép phá vỡ sinh cảnh của động vật, săn bắn, cháy rừng, đặt bẫy, phá rừng làm rẫy, đào đãi khoáng sản, ken cây, …

II. THỰC HIỆN QUY TRÌNH:

1. Hàng năm Công ty có xây dựng kế hoạch giám sát các hoạt động lâm nghiệp (khối lượng, chỉ số giám sát, người thực hiện, kinh phí, …)

2. Cuối năm tổng hợp kết quả giám sát các hoạt động và báo cáo tổng kết cuối năm. Kết quả giám sát của năm trước được sử dụng để điều chỉnh kế hoạch cho năm tiếp theo.

Trên đây là nội dung Quy trình về giám sát và đánh giá trong các hoạt động sản xuất Lâm nghiệp của đơn vị. Công ty thông báo đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được rõ và có trách nhiệm thực hiện theo quy trình này./.

4.6. Quy trình thực hiện chuỗi hành trình sản phẩm

QT/FSC®-01.09
Ngày cập nhật: 15/01/2023

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM (COC)

Mục đích:

Giúp cho FOREXCO vận hành hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm từ địa điểm khai thác đến điểm bán cuối cùng.

Hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm giúp cho FOREXCO truy xuất được lộ trình của gỗ khai thác từ rừng đến điểm bán cuối cùng.

FOREXCO có thể tránh khỏi việc mua gỗ từ các nguồn khai thác bất hợp pháp, hoặc không rõ nguồn gốc.

Loại bỏ những rủi ro về việc trộn lẫn gỗ bên ngoài trong quá trình vận chuyển gỗ từ rừng về nhà máy của Công ty.

Cơ sở tài liệu hỗ trợ:

1) Sơ đồ hành trình gỗ từ rừng đến điểm bán cuối cùng.
2) Các biểu mẫu được ban hành bởi các cơ quan chức năng và doanh nghiệp phát hành (**XKVC.16.02, PGN.12.01,)** .
3) Hệ thống báo cáo khối lượng.
4) Quy trình kỹ thuật khai thác.
5) Quyết định bổ nhiệm nhân sự phụ trách FSC/COC.
6) Bản sao các tài liệu chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp (theo hiện trường và theo hộ dân) phải được lưu trữ như sau:
    - *Hồ sơ Thiết kế khai thác;*
    - *Hợp đồng khai thác với các nhà thầu;*
    - *Biên bản nghiệm thu hiện trường sau khi khai thác;*

- *Bảng kê lâm sản khai thác.*
- *Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ*
- *Bảng xác nhận khối lượng nhập gỗ*

Hệ thống báo cáo:

1) Nhân viên kho bãi (phụ trách COC) của từng đơn vị nhập kho thuộc các nhà máy chế biến đồ mộc trực thuộc FOREXCO, và nhân viên theo dõi bán hàng có trách nhiệm cập nhật dữ liệu hằng ngày và báo cáo khối lượng hàng nhập về FOREXCO theo từng tháng.
2) Nhân viên phụ trách COC của FOREXCO (tổ FSC) có trách nhiệm thu thập dữ liệu từ các nhân viên có liên quan và tổng hợp khối lượng hàng nhập theo nguồn, loài cây, loại gỗ, đơn vị nhập, kho nhập.

Hệ thống lưu trữ tài liệu:

1) Tài liệu báo cáo, chứng từ, và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu trữ tại đơn vị trong thời gian ít nhất là 5 năm.
2) Tài liệu báo cáo, chứng từ và các tài liệu khác có liên quan phải được tách bạch cho từng loại nguồn gỗ và được lưu trữ theo hệ thống có thể nhận diện và sẵn sàng để kiểm tra.

Công tác đào tạo, huấn luyện và kiểm tra:

1) Công tác huấn luyện các nhân viên trong hệ thống phải được thực hiện định kỳ hằng năm trước khi công tác khai thác diễn ra.
2) Nội dung tập huấn và thành phần tập huấn phải được lưu tại văn phòng.
3) Nhân viên phụ trách COC thuộc tổ FSC của FOREXCO có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên công tác vận hành hệ thống COC trong toàn hệ thống.

Các bước cơ bản trong hệ thống:

1) **Bước 1**: gỗ khai thác từ rừng được cấp chứng chỉ sẽ được phân loại theo 02 mục đích sử dụng cơ bản như sau:

1. Gỗ có đường kính trên 10cm sẽ được sử dụng cho mục đích sản xuất đồ mộc
2. Gỗ có đường kính dưới 10cm sẽ được sử dụng cho mục đích làm nguyên liệu giấy.
3. Cành ngọn nhỏ hơn 5cm sẽ cho phép người dân địa phương vào thu lượm miễn phí với mục đích làm củi đốt.

2) **Bước 2**- đo đếm và xuất kho: gỗ được phân loại theo mục đích sử dụng và chất lên xe tải để vận chuyển về nhà máy. Nhân viên phụ trách kho bãi của FOREXCO có trách nhiệm xuất cho mỗi xe 01 **"PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN"**, phiếu này có mẫu do sở Tài chính ban hành theo mẫu chuẩn (Mã số: **XKVC.16.02**) bao gồm một số nội dung như sau:

   1. *Ngày tháng xuất kho;*
   2. *Biển số xe tải;*
   3. *Tên tài xế;*
   4. *Nguồn gỗ: lô khai thác/ tên hiện trường rừng trồng;*
   5. *Khối lượng: đo bằng stere đôi/m^3 (chỉ để tham khảo);*
   6. *Dấu treo của công ty;*
   7. *Chữ ký của đại diện chủ rừng, tài xế.*

3) **Bước 3** - vận chuyển về nhà máy: tất cả các xe vận chuyển từ rừng về nhà máy (nhà máy chế biến đồ mộc và nhà máy dăm) phải mang theo PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN và xuất trình cho nhân viên kho bãi tại các nhà máy. Phiếu xuất kho là cơ sở đối chiếu nguồn gốc gỗ và thời gian vận chuyển gỗ từ rừng về nhà máy để loại bỏ những rủi ro về trộn lỗn gỗ bên ngoài.
4) **Bước 4**- Điểm bán cuối cùng: xác định khối lượng gỗ nhập kho theo 02 trường hợp sau:

Tại kho nhà máy sản xuất đồ mộc: trọng lượng gỗ sẽ được cân bằng cân điện tử tại các trạm cân của các nhà máy chế biến của Công ty , đơn vị tính là tấn hoặc m^3. Nhân viên bàn cân sẽ phát hành 01 PHIẾU CÂN GỖ. Phiếu này bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

- *Ngày tháng nhập;*
- *Số phiếu cân;*
- *Biển số xe tải;*
- *Loại hàng:*
- *Trọng lượng hàng (tấn tươi hoặc m^3);*
- *Tình trạng gỗ;*
- *Chữ ký nhân viên bàn cân và tài xế.*

1. Nhân viên giao nhận lập xác lập phiếu giao nhận (theo mẫu số:**PGN.12.01**) dựa trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu cân xe. Phiếu giao nhận thể hiện:

   - Thời gian cụ thể giao hàng tại nhà máy,

   - Tên tài xế

   - Biển số xe

   - Loại gỗ và địa điểm xuất hàng

   - Số phiếu xuất khi kiêm vận chuyển nội bộ tương ứng.

   Thông tin trên phiếu giao nhận được đối chiếu tương ứng với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. khối lượng đo tính tại rừng là cơ sở so sánh, đối chiếu tương ứng với khối lượng cân thực tế tại nhà máy, thời gian giao gỗ tại nhà máy phù hợp với thời gian di chuyển từ rừng đến nhà máy.

2. Tại kho nhà máy dăm: trọng lượng gỗ sẽ được cân bằng cân điện tử, đơn vị tính là Tấn tươi. Nhân viên bàn cân sẽ phát hành 01 PHIẾU CÂN GỖ. Phiếu này bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

- *Ngày tháng nhập;*
- *Số PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN;*
- *Biển số xe tải;*
- *Trọng lượng hàng (tấn tươi);*
- *Tình trạng gỗ;*
- *Tên hiện trường khai thác;*
- *Chử ký nhân viên bàn cân.*

Nhân viên giao nhận lập Báo cáo nhập hàng

4.7 Quy trình xử lý chất thải

QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

QT/FSC®-01.08
Ngày cập nhật: 01/02/2024

Nhằm bảo đảm không gây ra các tác động xấu đến môi trường, trong các hoạt động trồng rừng, FOREXCO Quảng Nam sẽ thực hiện theo quy trình về xử lý chất thải như sau:

1. Một số chất thải cần quan tâm trong sản xuất lâm nghiệp:

- Bao nylon làm túi bầu.
- Dầu mỡ động cơ
- Thuốc hóa học: Danh mục thuốc hóa học được sử dụng tại Công ty (chỉ sử dụng trong vườn ươm):

STT	Mục đích sử dụng	Tên hoạt chất - nguyên liệu	Tên thương phẩm
1	- Trừ sâu	Azadirachtin	Agiaza 0.03EC, 4.5EC
2	- Bệnh lỡ cổ rễ	Hexaconazole (min 85 %)	Anvil 5 SC
3	- Bệnh đốm lá	Triadimefon	Encoleton 25 WP
4	- Phòng trừ nấm	Metalaxyl	Metaxyl 500W
5	- K.thích ra rễ:	Sodium chlorate	Atonik

- Các loại rác thải khác:
  * Bao bì ... đựng vật liệu.
  * Chai, lọ, thùng, hộp ... đưng hóa chất.
- Rác thải sinh hoạt.

2. Quy trình xử lý.

Loại chất thải	Quy trình xử lý
Bao nylon làm túi bầu	**<u>- Tại vườn ươm: Sau khi xuất vườn, phải vệ sinh thu gom tất cả các bao nylon:</u>** ** Nếu số lượng ít: đưa đổ vào thùng rác của Công ty môi trường.* ** Nếu số lượng nhiều: Hợp đồng với công ty môi trường để xử lý (để nấu tái chết hay đưa vào lò đốt phân hủy)*

	- Tại rừng trồng: Sau khi xé túi bầu để trồng cây, người trồng rừng có trách nhiệm thu gom lại và giao cho nhà thầu tại lán trại, sau đó nhà thầu tập hợp lại đề đưa về lại vườn ươm hoặc một địa điểm tập kết để xử lý như trình bày trên.
Dầu, mỡ động cơ.	**<u>Dầu mỡ động cơ là chất khó phân hủy, dễ gây ô nhiễm nguồn nước, công tác chủ yếu là phòng ngừa bằng cách:</u>** *1- Hạn chế sử dụng động cơ chạy bằng nhiên liệu xăng dầu mà thay thế sử dụng động cơ điện.* *2- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc để khi động cơ làm việc dầu, mỡ không rò rỉ ra môi trường xung quanh.* *3- Khi thay dầu mỡ động cơ cần phải thực hiện đúng quy trình của nhà sản xuất máy móc động cơ.* *4- Dầu mỡ động cơ khi thay ra sẽ được mang ra khỏi hiện hiện trường và bán lại cho các cơ sở tái chế.* - Xử lý đối với dầu mỡ ô nhiễm đất: Đào lấy đất bị thấm dầu, mỡ và đem đốt cho đến khi dầu, mỡ phân hũy hết. - Xử lý đối với dầu mỡ ô nhiễm nước: Dầu mỡ có sức căng bề mặt lớn và không tan trong nước nên dễ loang thành bề mặt rất mỏng trên mặt nước. Vì vậy cần phải ngăn vùng nước bị ô nhiễm và hút hết nước vào một bể chứa sau đó xả nước phía dưới để tách phần dầu nổi lên phía trên.
Thuốc hóa học	Về nguyên tắc, loại thuốc hóa học nào sẽ xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất thuốc đó. Công ty cam kết chỉ sử dụng những loại thuốc thuộc danh mục được phép sử dụng và sử dụng đúng quy trình hướng dẫn trong các hoạt động vườn ươm. Trong quá trình sử dụng chỉ dùng với nồng độ cho phép không để dư thừa gây ô nhiễm môi trường. Khối lượng chất hóa học sử dụng được ghi chép và lưu lại theo hệ thống. Bao bì, chai lọ đụng thuốc được thu gom và bỏ vào túi đựng kín, chuyển về nơi xử lý của Công ty xử lý chất thải.
Các loại rác thải khác...	Thùng, hộp, chai, lọ đựng hóa chất; bao bì đựng vật liệu: thu gom và phân loại theo từng loại: nhựa, thủy tinh, thiếc, thép, nylon... để có biện pháp xử lý, tái chế sử dụng.
Rác thải sinh hoạt.	Thu gom bỏ vào thùng rác tại các trại công nhân và mang ra khỏi hiện trường và đổ vào thùng rác công cộng, vận chuyển về nơi xử lý của Công ty xử lý chất thải.

4.8. Quy trình phòng ngừa ngăn chặn các loài ngoại lai xâm lấn

QUY TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ NGĂN CHẶN CÁC LOÀI THỰC VẬT NGOẠI LAI XÂM LẤN

Mã hiệu : QT/FSC-25
Ban hành : 05/7/2018

Thực vật ngoại lai xâm hại có thể gây hại đến các loài bản địa thông qua việc lấn chiếm môi trường sống và canh tranh dinh dưỡng, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển, ngăn cản sự sinh trưởng, phát triển, khả năng gieo giống, tái sinh tự nhiên của các loài bản địa do khả năng phát triển nhanh, mật độ dày đặc; cạnh tranh tiêu diệt dần loài bản địa, làm suy thoái hoặc thay đổi tiến tới tiêu diệt luôn cả loài bản địa.

Thực vật ngoại lai xâm hại có thể bao gồm các loài thực vật ở tất cả các nhóm phân loại chính, như vi rút, nấm, tảo, rêu, dương xỉ, thực vật bậc cao, được du nhập vào môi trường mới khác với nơi phân bố tự nhiên ban đầu của chúng và gây ra các thiệt hại về kinh tế và môi trường. Thực vật ngoại lai xâm hại là một loài sinh vật lạ đã thích nghi, phát triển, tăng nhanh số lượng cá thể trong hệ sinh thái hoặc nơi sống mới và là nguyên nhân gây ra sự thay đổi về cấu trúc quần xã, suy giảm các loài bản địa và đe dọa đến đa dạng sinh học bản địa.

Ngăn ngừa các loài thực vật ngoại lai xâm lấn nhằm giúp các loài cây trồng, cây bản địa sinh trưởng và phát triển tốt, cân bằng hệ sinh thái, giảm thiệt hại về kinh tế. Ngăn chặn sự xâm nhập của các sinh vật ngoại lại xâm lấn tiềm năng là vấn đề cần được thực hiện đầu tiên. Cần xây dựng hệ thống giám sát các loài ngoại lai xâm lấn. Cũng cần phải xây dựng các công cụ kinh tế và khuyến khích nhằm ngăn chặn sự thiết lập của các loài thực vật ngoại lai xâm hại và giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, thông tin rộng rãi về các quyết định, cách thức hạn chế sự thâm nhập và lan rộng của thực vật ngoại lai xâm hại.

Các bước sau đây vạch ra qui trình mà Forexco theo dõi để nhận dạng và ngăn chặn các loài ngoại lai xâm lấn:

I. Nhận biết, phân loại các loài thực vật ngoại lai xâm hại:

- Nhận biết, phân loại các loài thực vật ngoại lai xâm lấn và có nguy cơ xâm hại dựa vào phụ lục 1 và 2 của *Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ TN&MT và Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về quy định tiêu chí xác định các loài ngoại lai và ban hành danh mục các loài ngoại lai xâm hại.*

- Tìm hiểu kiến thức về các loài ngoại lai xâm hại thông qua các kênh thông tin*:* Kiến thức cơ bản về các loài ngoại lai xâm hại của Bộ TN&MT.... *http://vea.gov.vn/vn/quanlymt/baotondadangsh/tintuchoatdong/tintucvasukien/tintuc/Documents/g.pdf*

II. Thực hiện việc giám sát đối với các loài thực vật ngoại lai xâm hại.

+ Cán bộ kỹ thuật, nhân viên quản lý bảo vệ rừng chịu trách nhiệm giám sát các loài thực vật ngoại lai xâm hại và báo cáo, đề xuất các biện pháp xử lý nếu phát hiện.

+ Tần số giám sát: Thường xuyên thông qua giám sát các hoạt động lâm sinh.

+ Hình thức giám sát: Báo cáo thông qua các biểu mẫu giám sát các hoạt động: Trồng (BCTR.18.02), chăm sóc (BCCS.18.02), khai thác (BCKT.18.02), quản lý bảo vệ rừng (BCBVR.18.02). Mức độ phát hiện (Nhiều/Ít/Không).

III.Các biện pháp ngăn ngừa và ngăn chặn các loài thực vật ngoại lai xâm hại

1. Các biện pháp ngăn ngừa:

- Tuyên truyền cho cán bộ, người lao động, người dân về kiến thức, nhận biết và mối nguy hại của các loài thực vật ngoại lai xâm lấn.

- Giám sát thường xuyên nhằm phát hiện, đưa ra các biện pháp xử lý và ngăn cản sự xâm hại của các loài thực vật ngoại lai xâm hại

2. Các biện pháp ngăn chặn, xử lý:

- Báo cáo nếu phát hiện các loài thực vật ngoại lai xâm hại, áp dụng các biện pháp loại bỏ, tiêu hủy sự sống và phát tán của các loài thực vật ngoại lai đó.

+ Nếu ở mức độ nhỏ, phát hiện ít, rải rác thì xử lý tại chỗ bằng các biện pháp thủ công.

+ Nếu ở mức độ cao thì báo cáo Công ty để có kế hoạch xử lý triệt để các loài thực vật ngoại lai xâm hại đó.

IV. Cập nhật các kết quả giám sát trong báo cáo giám sát và phương án quản lý rừng .

V. Cập nhật các chính sách, quy định về quản lý sinh vật ngoại lai xâm hại.

4.9. Quy trình quản lý sâu bệnh hại và thuốc bảo vệ thực vật

QUY TRÌNH

Quản lý sâu bệnh và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật

Phần I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích:

Phòng trị bệnh và quản lý dịch hại trên diện tích rừng trồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cây sinh trưởng và phát triển tốt.
Một trong những chiến lược để quản lý dich hại trên cây trồng là biện pháp phòng trừ tông hợp (IPM) trong đó biện pháp sinh học được xem là thân thiện với môi trường được ưu tiên áp dụng truóc khi sử dụng Các hoạt chất khác.

Hướng dẫn thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội khi sử dụng thuốc bảo vê thực vật.

2. Phạm vi sử dụng

Sử dụng trong phạm vi rừng của Công ty.

3. Đối tượng sử dụng

Được sử dụng trên toàn bộ diện tích rừng trồng và khu vực Vườn ươm của Công ty.

4. Tài liệu tham khảo

- Chính sách FSC-POL-30-001;
- FSC-POL-30-001a•,
- WHO: Recommended classification of pesticides by hazard;
- Công ước Stockholm;
- Công ước Rotterdam;

- Thông tư 19/2022 TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 về việc Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử' dụng tại Việt Nam;
- Hướng dẫn khuyến cáo sử dụng thuốc BVTV của Nhà sản xuất.

5. Thuật ngữ viết tắt

- QTKT: Quy trình kỹ thuật
- QĐ: Quyết định
- SNN: Sở Nông nghiệp
- IPM: Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp.
- BVTV: Bảo vệ thực vật

6. Điều khoản thi hành

- Tất cả các đơn vị, người lao động thực hiện các hoạt động Vườn ươm, trồng rừng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển do Công ty quản lý phải áp dụng nghiêm túc các điều khoản được nêu trong quy trình.
- Công ty có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đánh giá và lập kế hoạch việc thực hiện Quy trình này.

Phần II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI

1. Các nguyên tắc quản lý dịch hại, sâu bệnh hại rừng trồng

- Khi có dịch hại xuất hiện, cần quan sát, theo dõi, đánh giá kỹ lưỡng, xác định đúng nguyên nhân để có biện pháp Xử lý có hiệu quả và kinh tế nhất.
- Việc quản lý sâu bệnh hại hạn chế cao việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu. Cần thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội đối với thuốc bảo vệ thực vật.
- Chỉ sử dụng các loại thuốc có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tạ Việt Nam theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Không sử dụng các loại thuốc bị cấm bởi tổ chức FSC, WHO, các công ước liên quan khác.
- Cần áp dụng nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc; đúng nồng độ, liều lượng; đúng lúc; đúng cách) khi sử dụng thuốc BVTV.
- Nếu sâu bệnh lạ xuất hiện chưa được ghi nhận trong tài liêu này, cần báo lên cấp trên có thẩm quyền là Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm lâm tỉnh để được hướng dẫn xử lý.

2. Các loại bệnh, sâu thường xuất hiện trên cây keo.

2.1. Các loại bệnh thường xuất hiện:

* Các loại bệnh.
* Bệnh rễ: Bệnh thối cổ rễ cây, Bệnh tuyến trùng hại rễ cây con.
* Bệnh lá: Bệnh phấn trắng lá, Bệnh đốm lá cây lá rộng.
* Các loại sâu:
* Nhóm dế:

+ Dê dũi; Dế mèn nâu lớn; Dế mèn nâu nhỏ. - Nhóm bọ hung:
+ Bo hung nâu lớn; Bọ cánh cam; Bọ sừng.
* Sâu xám nhó.

(1) Bệnh thối cổ rễ cây

- Tác nhân: Do nấm Ganoderma spp, Phellinus noxius và Rigidoporus lignosus.
- Phân bố: Vườn ươm, các vùng trồng cây. Bệnh bắt đầu phát sinh vào tháng 11.
- Tác hại: Do nấm Ganoderma spp, Phellinus noxius và Rigidoporus lignosus.
- Triệu chứng: Cổ rễ cây bị thối nhũn làm cây con bị chết. Bệnh thường xuất hiện ở cây con 1 tháng tuổi.
- Xử lý: Loại bỏ những cây bị bệnh.

(2) Bệnh phấn trắng lá

- Tác nhân: Do nấm *Oidium* sp. gây ra. Nấm bệnh mọc trên bề mặt lá để hút dinh dưỡng. Bào tử hình trứng hoặc bầu dục, không màu, cuống bào tử hình ống, có vách ngăn.
- Phân bố: Vườn ươm, Khắp các vùng trồng keo, Bệnh bắt đầu phát sinh vào tháng 11, nặng nhất là tháng 3-4.
- Tác hại: Lá xoăn lại, màu nâu vàng, khô chết, nhưng lá không rụng.
- Triệu chứng: Lá non, chồi non và cành non mới đầu có các đốm nhỏ trong suốt, dần dần trên lá có các bột trắng, đó là sợi nấm và bào **tử** phân sinh. Sợi nấm phát triển ra xung quanh rồi lan rộng cả lá.
- Xử lý: Chặt bỏ toàn bộ cây bị nhiễm bệnh đưa ra khỏi rừng để tiêu diệt nguồn xâm nhiễm tránh lây lan.

(3) Bệnh đốm lá cây rộng (Thán thư)

- Tác nhân: do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* Sợi nấm qua đông trong lá bệnh, mùa xuân năm sau hình thành bào tử, lây lan nhờ gió, nẩy mầm xâm nhiễm.
- Phân bố: Khắp các vùng trồng keo, bệnh phát triển mạnh vào tháng 3-5, tháng 6 giảm dần.
- Tác hại: Làm cây sinh trưởng chậm.
- Triệu chứng: Bệnh phát sinh gây hại trên lá, chủ yếu ở đầu ngọn lá và mép lá. Lúc đầu lá mất màu rồi lan rộng dần vào phiến lá, vết bệnh có thể làm khổ đến nửa lá. Vết bệnh màu nâu xám hoặc nâu đeo, trên bề mặt vết bệnh có các đốm, chấm đen nhỏ, lúc trời ẩm có thể thấy nhiều bộ màu hồng. Trên cành non vết bệnh làm xuống, chung quanh cú viền đen và giữa vết bệnh có các chấm đen nhỏ.
- Xử lý: Chặt bỏ toàn bộ cây bị nhiễm bệnh đưa ra khỏi rừng để tiêu diệt nguồn xâm nhiễm tránh lây lan.

2.2 Các loại bệnh thường xuất hiện ở rừng keo:

** Bệnh hại keo*

- Bệnh thân và lá:Bệnh "Die-back" hay còn gọi là bệnh chết ngược, Bệnh úa vàng.

* *Sâu hại keo*

- Sâu nâu (Anomis fulvida Guenée).
- Sâu vạch xám (Speiredonia retorta Linnaeus).
- Sâu kèn nhỏ (Acanthopsyche sp.).

(1) Bệnh "Die- back" bệnh chết ngược

- Phân bố: Khắp các vùng trồng keo.
- Tác hại: Làm cây bị chết khô.
- Triệu chứng: Ban đầu, những lá ở đầu cành bị khô và rụng sớm, dần dần những lá trên ngọn cây cũng bị khô và rụng các cành và ngọn cây sau khi bị khô rụng hết lá cây bị chết khô. Không thấy xuất hiện những đám thối mục hoặc lớp chồi thứ sinh mọc từ thân cây. Thân cây keo nhiễm bệnh bị nứt ra và có thể quan sát được bột màu trắng.
- Xử lý: Chặt bỏ toàn bộ cây bị nhiễm bệnh đưa ra khỏi rừng để tiêu diệt nguồn xâm nhiễm tránh lây lan.

(2) Bệnh úa vàng

- Tác nhân: Vẫn chưa xác định được vật gây bệnh.
- Phân bố: rừng trồng cây keo lai.
- Tác hại: Bệnh làm cho cây rụng lá sớm.
- Triệu chứng: Lá cây chuyển sang màu úa vàng, nhưng kích thước và hình dáng của lá không bị thay đổi. Ngay cả những lá còn non cũng bị nhiễm bệnh.
- Xử lý: Chặt bỏ cây bị bệnh, gom lại và đốt.

(3) Sâu nâu (Anomis fulvida Guenée) và sâu vạch xám

- Sâu nâu và sâu vạch xám thuộc họ ngài đêm (Noctuidae). Bộ cánh vẩy (Lepidoptera).
- Rừng keo bị ăn xơ xác và trụi lá. Chúng gây hại làm giảm tăng trưởng rõ rệt. Nếu dịch sâu liên tiếp xảy ra, keo có thể bị chết từng chòm, tạo điều kiện cho các loài sâu hại thứ cấp xâm nhập.
- Xử lý:

+ Điều tra theo dõi khi sâu có mật độ thấp chỉ việc tìm sâu ở quanh gốc cây, cách thân chính khoảng 60cm.

+ Biện pháp kỹ thuật lâm sinh: Xử lý đất xung quanh thân cây.

+ Biện pháp ngăn chặn: Do sâu non có tập tính di truyền theo thân cây qua lại làm giữa nơi cư trú vào ban ngày và nơi lấy thức ăn vào ban đêm nên có thể sử dụng biện pháp ngăn chặn sâu bằng vòng dính.

+ Biện pháp sinh học: Các loài thiên địch thuộc họ bọ ngựa, họ kiến, côn trùng như ong kén, ruồi ký sinh.

+ Biện pháp hóa học: Chỉ sử dụng khi các phương pháp trên không làm cho mật độ sâu giảm.

Quy trình phòng trừ tổng hợp

3.1. Biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại keo trong vườn ươm

- *Địa điểm vườn* ươm: Chọn nơi thoáng gió, đủ nắng để làm vườn ươm, vườn ươm phải cao ráo, làm mương thoát nước tránh trường hợp ngập úng lúc có trời mưa. Vườn ươm phải có hệ thống rào xung quanh để bảo vệ sự phá hoại của động vật bên ngoài.

- *Cây giống*: Chọn mua giống từ các trung tâm, chủ vườn ươm cây giống bảo đảm giống tốt, uy tín và có chất lượng, (kiểm tra giống keo là giống gì, keo lai, keo tai tượng hay là keo lá tràm xuất xứ giống ở đâu trước khi nhận giống, không mua giống ở những nơi giống không đảm bảo chất lượng).
- *Chuẩn bị đất vườn ươm:* Không lấy đất ở tầng có nhiều rễ cỏ, hạt cỏ. Cần loại bỏ rễ cây, đá tạp, ấu trùng sâu hại.
+ Khi gieo ươm phải chọn đất có độ chua thích hợp, không được lấy đất đã qua sản xuất nông nghiệp, tốt nhất là đất mùn trên đồi núi có chứa nấm cộng sinh, đất được đập nhỏ, phơi tơi và sàng qua lưới sắt có lỗ nhỏ 0,5 x 0,5cm, sau đó kết hợp với 10% phân chuồng hoai. Trộn đều và ủ sau 3 ngày thì mới đóng bầu tránh nguồn xâm nhiễm của mầm bệnh.
+ Trong vườn ươm nền luống phải thẳng, thoát nước tốt, kích thước khoảng 1m, chiều dài tùy theo diện tích vườn ươm. Trước khi ươm cây 7-10 ngày nên diệt trừ kiến, mối, diệt trừ cỏ thân ngầm (cỏ lác, lồng vực...), cỏ dại và ngừa một số loại nấm bệnh trong đất.
- Thời *vụ gieo ươm:* Từ tháng 3 đến tháng 10.
- *Bón phân*: Sử dụng các loại phân chuồng đã được ủ hoai mục để hạn chế các loại sâu hại trong vườn ươm như: bọ hung nâu lớn, bọ hung nâu nhỏ..cắn hại cây.
- *Chăm sóc cây con:* Sau khi cấy hạt phải che tủ bằng rơm rạ đã qua xử lý sâu bệnh. Che tủ vừa kín mặt luống, khi hạt bắt đầu nhú mầm thì gỡ bỏ và che tủ bằng lưới nylon độ tàn che khoảng 0,7-0,8%. Cần tưới nước sạch vào buổi sáng hoặc chiều mát bằng bình tưới dùng trong vườn ươm hoặc bình bơm thuốc sâu đã rửa sạch tránh nguồn lây nhiễm của nấm bệnh.
- *Làm cỏ* phá *váng*: Sau khi cây bắt đầu ổn định thì cần phải làm cỏ phá váng tạo thông thoáng gốc rễ cây.
- Vệ *sinh* vườn ươm*:* Phải thường xuyên vệ sinh vườn ươm sạch cỏ tránh nơi trú ẩn của các loài sâu hại trong vườn ươm.
- *Phòng* trừ sâu *bệnh* trong *vườn* ươm: Cây keo thường xuất hiện bệnh phấn trắng trong vườn ươm, cần chú ý biện pháp phòng ngừa, nếu bệnh xuất hiện cần xử lý ngay.

3.2. Biện pháp phòng trừ tổng hợp sâu bệnh hại keo tại vườn trồng

- Tuân thủ quy trình trồng keo của Công ty đã ban hành.
- Biện pháp vật lý cơ giới.
+ Bẫy dính: Sâu non của sâu nâu vạch xám có tập tính di chuyển theo thân cây qua lại giữa nơi cư trú vào ban ngày và nơi lấy thức ăn vào ban đêm nên có thể sử dụng biện pháp ngăn chặn sâu bằng vòng dính. Sử dụng keo dính chuột làm vòng dính. Để vòng dính phát huy hiệu quả keo phải được bôi kín toàn bộ vùng thân cây cách mặt đất 1,3m với bề rộng 8-10cm.
+ Bắt giết thủ công: Khi các loại sâu có nguy cơ phát dịch, mật độ tăng cao ở giai đoạn tuổi nhỏ (dưới 4 năm tuổi), có thể huy động nhân lực tham gia vào việc bắt giết các ổ trứng, kén sâu, ngắt bỏ các cành lá bị bệnh nặng đem đốt trong quá trình chăm sóc cây.
+ Đánh bả độc, mồi nhử: Sử dụng (cám rang + rau xanh băm nhỏ) 4 phần + thuốc sinh học 1 phần để đánh bả dế và sâu xám vào ban đêm.

Biện pháp sinh học

- Bảo vệ các loài thiên địch sẵn có trên vườn keo của sâu nâu vạch xám, sâu kèn, sâu gấp mép lá bằng cách hạn chế sử dụng thuốc hóa học, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học, bảo vệ tầng cây bụi thảm tươi để có nơi cho thiên địch trú ngụ.
+ Sâu nâu vạch xám: Có nhiều thiên địch như côn trùng ăn thịt thuộc bộ bọ ngựa (Mantodea), họ kiến (Formicidae), động vật ăn sâu bọ như bò sát, lưỡng cư, côn trùng ký

sinh như ong kén cánh tím (*Meteorus narangae* Sonan), ong kén nâu vàng (*Cedria paradoxa* Wilkinson), ruồi ký sinh *(Exorista sorbillans* Wiedemann, *Withemia diversa* Malloch). Trong số các loài thiên địch kể trên kiến, ong kén cánh tím và ruồi ký sinh có vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát sâu xám. Ong kén cánh tím làm cho sâu non chết hàng loạt, kén của loài ong này có thể đính bám trên thân hay lá cây. Ruồi ký sinh gây bệnh chết cho sâu non tuổi lớn và nhộng.
+ Sâu kèn: Bảo vệ các loài thiên địch như: ong, nhện, kiến. Vì vậy ở những khu vực có tổ kiến thường không cần phun thuốc hoá học để bảo vệ kiến.
- Sử dụng các chế phẩm sinh học để phòng trừ mối.
+ Trước khi đem trồng pha trộn chế phẩm sinh học với đất bột hoặc phân vị sinh, phân hữu cơ bón cho 500m đất. Rắc đều thuốc xuống hố và trên mặt hố trước khi trồng cây rồi lấp đất.
+ Hoặc trước khi đem trồng dùng mồi nhử mối đến (bả mía, cỏ, cành khô lá rụng...), khi mối đến phun chế phẩm sinh học vào mối, cho mối dính thuốc chạy về tổ, sau đó xếp hộp mồi nhử lại đúng vị trí cũ, 5-7 ngày sau khi mối rút hết về tổ thì dọn bỏ hộp.
Ghi chú: Khi sử dụng biện pháp sinh học mà gây ra những thiệt hại về môi trường Công ty sẽ báo lên cơ quan chức năng phối hợp giải quyết kịp thời những thiệt hại này.

Phần III
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG THUỐC

1. Đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội

a) Yêu cầu của đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội (ESRA)
– Nhận dạng được mối nguy hiểm của thuốc trừ sâu.
– Các nguy cơ tiếp xúc với thuốc.
- Các biến số về tiếp xúc với thuốc.
b) Các bước thực hiện ESRA
Bước1: Các nguy hại của thuốc.
Phân loại theo danh sách bị cấm, bị hạn chế sử dụng cao và bị hạn chế sử dụng theo chính sách POL-30-001.
Bước2: Phạm vi phun thuốc.
Mục đích: xác định các đối tượng, vùng bị ảnh hưởng.
Cách xác định:
Diện tích bao nhiêu ha.
Vị trí tiểu khu, khoảnh, lô.
Có tiếp giáp với người dân không?
Có gần hành lang ven suối không?
Bước 3: Cường độ, hình thức phun thuốc
Nồng độ thuốc.
Liều lượng thuốc.
Tần suất phun.
Khoảng thời gian áp dụng.
Phương pháp áp dụng (phun lá, trên không, tại chỗ,...).
Thiết bị phun.
Thiết bị bảo hộ lao động.
Bước 4: Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng
Xác định các đối tượng ảnh hưởng: Đất, nước, không khí và người dân xung quanh.
Bước 5: Kế hoạch bồi thường thiệt hại

Xây dựng kế hoạch bồi thường nếu thiệt hại của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có xảy ra.

2. Quy định sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng

Đúng thuốc: Mỗi thuốc chỉ dùng để phòng trừ cho đối tượng thích hợp. Không sử dụng các loại thuốc trong danh mục thuốc BVTV cấm do nhà nước và FSC Ban hành.

- Đúng nồng độ, liều lượng: Không tự ý tăng, giảm nồng độ, liều lượng vì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý hoặc có tác dụng ngược gây hại cho người và cây.
- Đúng lúc: Đúng giai đoạn phát sinh phát triển của tác nhân gây hại để thuốc có tác dụng, đạt hiệu quả cao.
- Đúng cách: mỗi loại thuốc có cách dùng khác nhau. Phải theo đặc tính của thuốc và sự hướng dẫn trong quy trình.

3. An toàn khi dùng thuốc BVTV

Cần có trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc *(Tuân thủ theo danh mục các thiết* bị *lao động phù hợp với các hoạt động sản xuất lâm nghiệp*)

- Sau khi phun phải thay quần áo và giặt sạch. Thời gian tiếp xúc thuốc tối đá không quá 6h trong ngày.
- Không ăn, hút thuốc trong khi phun thuốc.
- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ có thể gây ngộ độc. Rửa sạch bình sau khi phun và không đổ xuống ao, hồ hoặc nơi chăn thả gia súc.
- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả các bộ phận của cơ thể. Nếu bị dính thuốc cần rửa ngay nhiều lần bằng nước sạch và xà phòng.
- Không sử dụng bao bì đựng thuốc, phân bón vào bất kỳ mục đích nào.
- Không sử dụng bao bì thực phẩm để đựng thuốc BVTV.
- Trong trường hợp bị ngộ độc, áp dụng tất cả các phương tiện để cấp cứu và đưa đến cơ quan y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

4. Bảo quản thuốc BVTV

- Thuốc cần có nhãn hiệu rõ ràng.
- Các loại thuốc phải xếp riêng theo đối tượng phòng trị.

5. Triệu chứng ngộ độc thuốc BVTV

Tất cả thuốc BVTV đều có thể gây độc cho người sử dụng. Triệu chứng có thể biểu hiện ngay sau khi nhiễm độc, hoặc sau vài giờ hoặc vài ngày. Tùy vào độc tính, liều lượng mức độ nhiễm và thời gian tiếp xúc với thuốc mà có biểu hiện khác nhau.

Ngộ độc nhẹ: Đau dầu, buồn nôn, chóng mặt, mệt mỏi, rát da (mắt, mũi, họng), tiêu chảy, đổ mồ hôi, ăn không ngon (mất vị giác).

- Ngộ độc trung bình: Nôn mửa, mờ mắt, đau bụng dữ dội, mạch đập nhanh, khó ở, co đồng tử mắt, đổ mồ hôi nhiều, co run rây, co giật...

- Ngộ độc nặng: Cơ bắp co giật, không thở được, mất tỉnh táo, mạch đập yếu. Trong một vài trường hợp có thể gây tử vong.

- Khi tai nạn xảy ra, nạn nhân bị mê man tức thì, chắc chắn đã bj ngộ độc thuốc, cần Có biện pháp cấp cúu kip thời: Luu ý: Trường hợp ngộ độc nặng biểu hiện sau 12 giờ kể từ khi tiếp xúc với thuốc là do nguyên nhân khác.

- Kiểu ngộ độc:

+ Ngộ độc cấp tính: Là hậu quả của tai nạn hoặc tự tử.

+ Ngộc độc mãn tính: Do Do tiếp xúc lặp đi lặp lại nhiều lần với một lượng thuốc đáng kể.

6. Sơ cứu khi bị ngộ độc thuốc BVTV

- Nhanh chóng chuyển nạn nhân ra khỏi vùng nhiễm thuốc.
- Nếu nạn nhân không còn thở tiến hành hô hấp nhân tạo.
- Thay quần áo nhiễm thuốc, lau rửa cơ thể nạn nhân bằng xà phòng và nước sạch. Tránh gây vết thương lên da vì sẽ làm thuốc xâm nhập cơ thể nạn nhân nhanh hon.
- Nếu mắt bị dính thuốc, phải rửa nhiều lần bằng nước sạch, ít nhất trong 15'.
- Nếu nạ nhân bị co giật, dùng gạt, lược...chặn giữa hai hàm răng để tránh nạn nhân cắt đứt lưỡi.
- Giữ ấm, thoáng và yên tĩnh cho nạn nhân và nhanh chóng đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất cùng với thuốc gây ngộ độc.

7. Xử lý bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng.

- Người sử dụng thuốc BVTV có trách nhiệm: Thu gom bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng vào dung cụ chứa và được thu gom bởi cơ quan có chức năng nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, không gây nhiễm môi truỡng xung quanh.
- Không chôn lấp rác thải và không thực hiện việc chuyển rác thải tại kênh, rạch, hồ. Không để chất thải còn lại xót trong rừng.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các bộ phận sản xuất.

- Lập kế hoạch sử dụng phân bón, thuôc BVTV trong năm.
- Giám sát tình hình sâu bệnh hại và báo về Xí nghiệp, Công ty để có biện pháp xử lý.
- Thực hiện ghi chép nhật ký sử dụng thuốc BVTV theo biểu mẫu.
- Tổng hợp và lập danh mục các loại phân bón, thuốc trừ sâu trình giám đốc phê duyệt hàng năm.
- Lập kế hoạch và kiểm tra, giám sát viêc sử dụng phân bón, thuốc BVTV.
- Tập huấn cho cán bộ, công nhân sử dụng phân bón và thuốc BVTV về việc tuân thủ an toàn lao động và quy trình sử dụng.
- Thực hiện các quy định về việc bảo quản và an toàn khi vận chuyển, sử dụng thuốc.

Đề nghị Xí nghiệp, Đội QLBV&PTR, người lao động nghiêm túc thực hiện quy trình trên. Trong quá trinh thực hiện có gi khó khăn vướng mắc báo về Công ty để xử lý kịp thời./.

Chương 5: CUNG CẤP SẢN PHẨM GỖ CÓ CHỨNG NHẬN FSC®

5.1. Hóa đơn

a) Công ty cung cấp hóa đơn bán gỗ tròn có nguồn gốc khai thác từ rừng của Công ty. Các thông tin sau phải được đưa vào hóa đơn bán các sản phẩm Gỗ có chứng nhận FSC® FM/COC

b) Tên và địa chỉ đơn vị nhập hàng

c) Ngày xuất hóa đơn

d) Mô tả sản phẩm

e) Khối lượng, đơn giá, tổng giá trị hàng hóa, sản phẩm bán ra

f) Thông tin về lô sản phẩm hoặc các thông tin liên quan đến vận chuyển, đủ để đối chiếu với sản phẩm mà khách hàng nhận;

g) Mã số chứng chỉ gỗ có chứng nhận FSC®FM/CoC Khai báo "FSC® 100%" .

5.2. Hồ sơ bán hàng và vận chuyển

Quy trình lập hóa đơn và chứng từ vận chuyển để bán gỗ có chứng chỉ được mô tả trong Quy trình: Kiểm soát CoC về Khai thác và vận chuyển gỗ rừng trồng (Mã số: QT_06).

Trên đây là toàn bộ nội dung Sổ tay quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn FSC® trong các hoạt động sản xuất Lâm nghiệp của Công ty cổ phần Lâm đặc sản Xuất Khẩu Quảng Nam. Công ty thông báo đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được rõ và có trách nhiệm thực hiện theo các quy trình này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì phản ảnh về Ban Giám đốc Công ty xem xét, quyết định./.

Quảng Nam, ngày 01 tháng 9 năm 2025

GIÁM ĐỐC